VINH HOAN CORP.

Nắm bắt TƯƠNG LAI

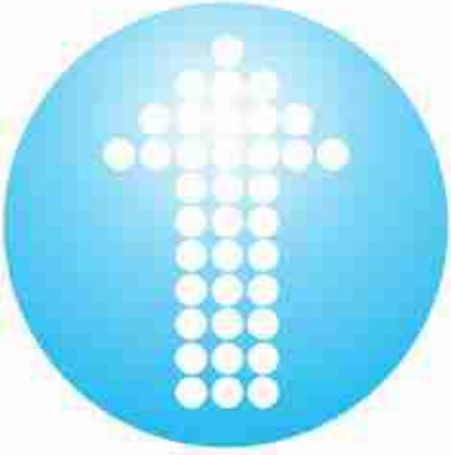

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

VINH HOAN CORP.

Ấn phẩm **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013** được
thực hiện bởi Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn.

Duyệt nội dung: **Ban Giám Đốc**

Phụ trách nội dung: **Ban Quan Hệ Nhà Đầu Tư**

Trình bày thiết kế: **phòng Tiếp Thị**

VINH HOAN CORP

MỤC LỤC

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	6
Những con số nổi bật	8
Thư của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	11
Sơ đồ tổ chức	15
Danh mục sản phẩm	16
Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	20
Thông tin chung	22
Giới thiệu Ban Giám Đốc	30
Báo cáo của Ban Giám Đốc	32
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	35
Kế hoạch năm 2014	38
Báo cáo của các công ty con	42
Trách nhiệm cộng đồng	46
Báo cáo tài chính	50
Thông tin cổ đông và quản trị công ty	107

TẦM NHÌN

Là công ty hàng đầu, có uy tín và phát triển bền vững về nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra của Việt Nam với chiến lược tối ưu hóa chuỗi giá trị của ngành hàng cốt lõi theo hướng áp dụng kỹ thuật công nghệ cao.

SỨ MỆNH

Xây dựng và bảo vệ thương hiệu cá tra Việt Nam

- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững dựa trên những nguồn lợi được khai thác có trách nhiệm;
- Cung cấp nguồn thực phẩm ngon, an toàn và tốt cho sức khỏe người tiêu dùng;
- Mang lại giá trị cho đời sống địa phương thông qua những đóng góp từ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và luôn giữ gìn uy tín của Công ty;
- Mang lại niềm tin, giá trị, doanh thu và lợi nhuận cho khách hàng, nhà cung cấp đồng thời thỏa mãn kỳ vọng của cổ đông Công Ty;
- Đảm bảo cho người lao động có được việc làm ổn định và đời sống kinh tế ngày càng được cải thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sản xuất, kinh doanh có đạo lý và có trách nhiệm

- Dám cam kết và tôn trọng cam kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Sống và hành động theo pháp luật;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh hòa hợp với môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn lợi tự nhiên.

Tinh thần nỗ lực để cải thiện và chiến thắng

- Chiến thắng đối thủ bằng cạnh tranh lành mạnh với nỗ lực không ngừng để tạo sự khác biệt và mang tính tiên phong trong đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm;
- Nuôi dưỡng và phát huy tinh thần cầu tiến, mong muốn phát triển khả năng và năng lực của mỗi cá nhân;
- Thẳng thắn, khách quan, minh bạch và cầu thị trong mọi mối quan hệ;
- Tìm ra giải pháp tốt nhất cho mọi vấn đề bằng suy nghĩ và sức lực của tập thể;
- Hướng đến và đạt được những bước hoàn thiện lớn thông qua những cải thiện nhỏ và liên tục.

NHỮNG CON SỐ & SỰ KIỆN NỔI BẬT

52 quốc gia và vùng lãnh thổ là số thị trường xuất khẩu của Vĩnh Hoàn trong năm 2013, tăng 10 thị trường so với năm 2012.

196 triệu USD là tổng trị giá xuất khẩu năm 2013, tăng 23 triệu USD so với năm 2012.

1 là thứ hạng kim ngạch xuất khẩu của Công ty trong ngành cá tra *(theo thống kê của VASEP)*.

Top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao nhất năm 2013 (theo thống kê của VASEP)

13 là tổng số hội chợ và triển lãm Công ty đã tham gia trong năm 2013 để quảng bá sản phẩm, xúc tiến bán hàng và tìm khách hàng mới, đặc biệt là cho mảng gạo và collagen.

5.095 tỷ đồng là doanh thu hợp nhất năm 2013, tăng 21% so với năm 2012.

20 khóa đào tạo trong năm cho công nhân viên Công ty.

62 chương trình và khoản đóng góp vì trách nhiệm xã hội do Công ty thực hiện trong năm.

GLOBAL GAP là chứng nhận quốc tế đầu tiên cho vùng nuôi cá chẽm của Công ty.

6. 2013 Tổng Giám Đốc Công ty, Trương Thị Lệ Khanh được tạp chí Forbes số đầu tiên ở Việt Nam bình chọn là một trong 10 nữ doanh nhân thành đạt.

10. 2013 khởi công xây dựng nhà máy Collagen và Gelatin với công suất 2000 tấn/năm.

Kính thưa các quý vị Cổ đông,

Năm 2013, lần đầu tiên kể từ khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Vĩnh Hoàn không đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra. Tuy nhiên tôi tin rằng ban điều hành Công ty sẽ nhận được sự thông hiểu từ các cổ đông vì trong bối cảnh vô cùng khó khăn của ngành trong năm qua, kết quả đạt được của Vĩnh Hoàn là một điểm sáng đáng khích lệ. Tỷ lệ sinh lời có thấp đi nhưng chúng ta vẫn tăng trưởng tốt, công nhân viên Công ty vẫn được đảm bảo công ăn việc làm, lương thưởng thỏa đáng và các khâu trong mọi hoạt động đều được cải thiện theo hướng hiệu quả hơn. Vì vậy tôi lạc quan và chọn thông điệp của báo cáo lần này là "Nắm bắt tương lai" bởi tôi thấy các điều kiện chủ quan và khách quan đang tốt lên, vượt qua khúc ngoặt này sẽ là một hình ảnh sáng của Vĩnh Hoàn trong những năm tới, hoàn toàn có thể nắm bắt được.

Để đạt được những kỳ vọng của cổ đông, ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục thực hiện một cách quyết liệt và nhanh chóng các chiến lược kinh doanh chính như sau:

- Tối ưu hóa hiệu quả của ngành nghề kinh doanh cốt lõi trên cơ sở hoàn thiện quy trình, kiểm soát chi phí và tăng năng suất lao động;
- Củng cố và phát triển mạnh mẽ thương hiệu sản phẩm dựa trên chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng và uy tín trong kinh doanh;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động, nâng cao vị thế của Công ty;
- Cải thiện và tìm kiếm các mô hình sản xuất tốt cho các ngành phụ trợ hiện tại và trong tương lai theo hướng cạnh tranh về mặt kỹ thuật và công nghệ.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị của Công ty, tôi mong nhận được sự ủng hộ và các ý kiến quý báu của quý vị cổ đông để toàn thể ban lãnh đạo và công nhân viên của Vĩnh Hoàn có thể hiện thực hóa các chiến lược kinh doanh quan trọng, ngày càng mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông.

Trân trọng,

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Trương Thị Lệ Khanh

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Từ những ngày đầu thành lập, Vĩnh Hoàn đã xây dựng cơ cấu tổ chức theo chức năng của từng bộ phận, phòng ban một cách rõ ràng, vững chắc, giúp Công ty hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả, vươn lên là Công ty đầu ngành trong những năm qua. Tuy nhiên, trước những đổi mới liên tục của ngành, của nền kinh tế nói chung và với việc ngày càng gia tăng quy mô sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh doanh, chúng tôi nhận thấy Vĩnh Hoàn cần một "chiếc áo" phù hợp về mặt tổ chức. Vì vậy, vào ngày 09 tháng 01 năm 2014, Hội Đồng Quản Trị Công ty đã nhất trí thông qua sơ đồ tổ chức mới của Công ty với một số thay đổi như sau:

Các chức danh Phó Tổng Giám Đốc hiện tại sẽ được thay thế và bổ sung bằng các Giám Đốc chuyên trách, bao gồm Giám Đốc Thu Mua, Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị, Giám Đốc Tài Chính, Giám Đốc Nhân Sự, Giám Đốc Dự Án, Giám Đốc Sản Xuất và Giám Đốc Vùng Nuôi. Các Giám Đốc này sẽ chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của các phòng ban liên quan và báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám Đốc. Sơ đồ tổ chức cũng thể hiện mối quan hệ quản lý của Công ty đối với các công ty con, theo đó Giám Đốc các công ty con sẽ chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của ngành hàng và báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám Đốc.

Các vị trí Giám Đốc vẫn đang trong quá trình bổ nhiệm và sơ đồ tổ chức mới đang dần được hoàn thiện. Cho đến thời điểm này, một số vị trí Giám Đốc đã được chính thức công bố bao gồm:

- Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị
- Bà Trương Tuyết Phương được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Thu Mua
- Ông Huỳnh Đức Trung được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Dự Án
- Bà Nguyễn Thị Kim Đào được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Tài Chính
- Bà Hồ Thanh Huệ được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc Sản Xuất
- Bà Đặng Thị Thương được bổ nhiệm vào quyền Giám Đốc Vùng Nuôi

Cơ cấu tổ chức mới này sẽ giúp Tổng Giám Đốc đặt trách nhiệm và trao quyền hạn một cách cụ thể và hiệu quả hơn cho người chuyên trách, giúp hoàn thành các chiến lược kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung của ngành.

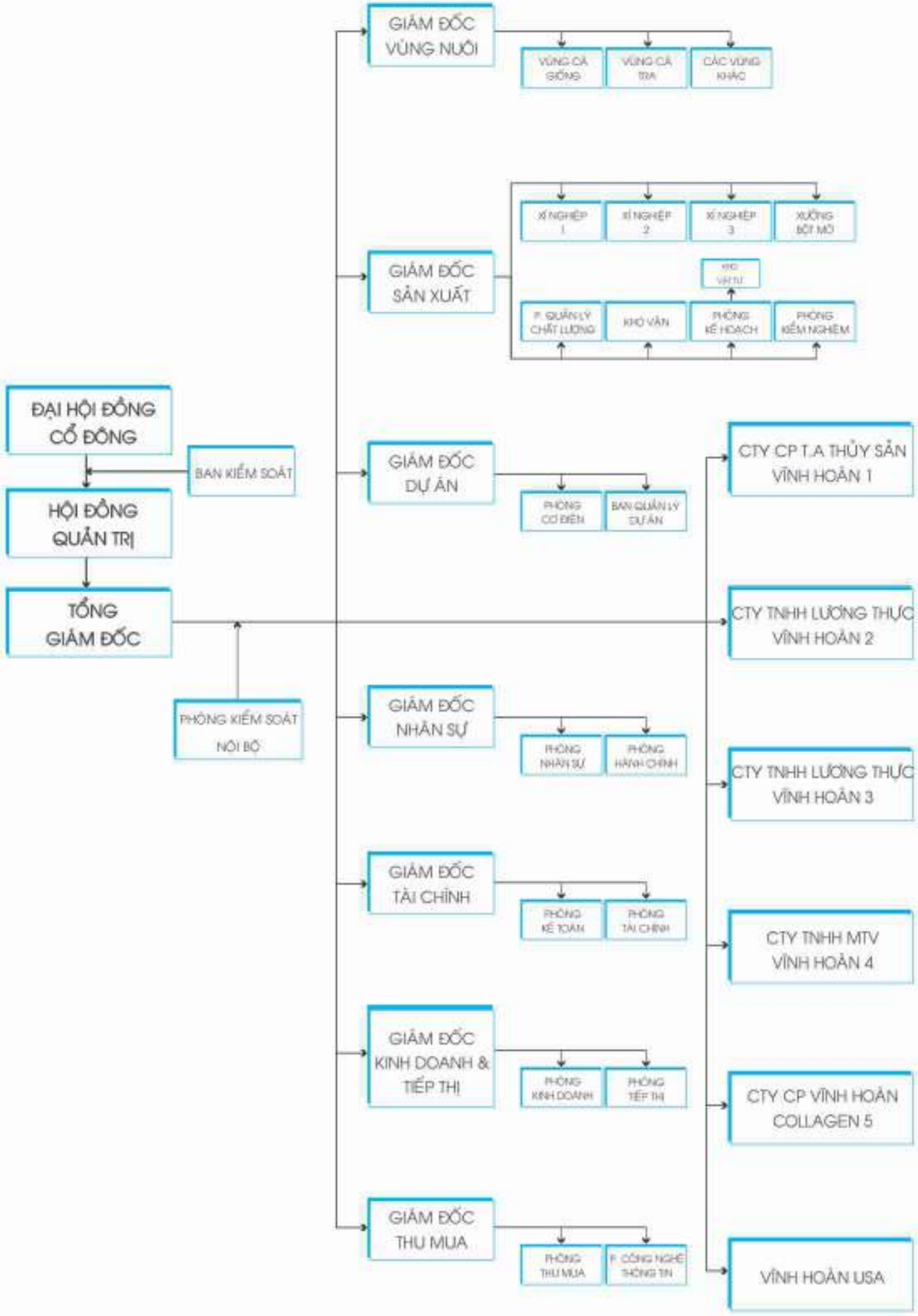
GIÁM ĐỐC VÙNG NUÔI
VÙNG CÁ GIỐNG
VÙNG CÁ BỐ MẸ
CÁC VÙNG KHÁC
GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT
XÍ NGHIỆP 1
XÍ NGHIỆP 2
XÍ NGHIỆP 3
XƯỞNG BỘT MỠ
KHO VẬT TƯ
P. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
KHO VẬN
PHÒNG KẾ HOẠCH
PHÒNG KIỂM NGHIỆM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÒNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
PHÒNG CƠ ĐIỆN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ
PHÒNG NHÂN SỰ
PHÒNG HÀNH CHÍNH
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
PHÒNG KẾ TOÁN
PHÒNG TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC KINH DOANH & TIẾP THỊ
PHÒNG KINH DOANH
PHÒNG TIẾP THỊ
GIÁM ĐỐC THU MUA
PHÒNG THU MUA
P. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CTY CP T.A THỦY SẢN VĨNH HOÀN 1
CTY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2
CTY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 3
CTY TNHH MTV VĨNH HOÀN 4
CTY CP VĨNH HOÀN COLLAGEN 5
VĨNH HOÀN USA

DANH MỤC SẢN PHẨM

Cá tra fillet

Măng tây quấn cá tra và rau củ
Đoạt giải Sản Phẩm Bán Lẻ Tốt Nhất
tại Hội Chợ Brussels 2011

Cá tra và sauce hải sản
Đoạt giải Sản Phẩm Cho Sức Khỏe và Dinh Dưỡng
tại Hội Chợ Brussels 2009

Cá tra cắt miếng tẩm bột

Cá tra nguyên miếng tẩm bột

Cá tra fillet tẩm gia vị

Bông artichoke cuộn cá tra fillet
Sản phẩm vào Vòng Chung Kết cuộc thi
Sản Phẩm Mới tại Hội Chợ Brussels 2009

Cá tra kho tộ

Cá tra fillet gói rau củ đút lò
Sản phẩm vào Vòng Chung Kết cuộc thi
Sản Phẩm Mới tại Hội Chợ Brussels 2013

Gạo thơm Jasmin

Gạo thơm lài (KDM)

Gạo đỏ

Gạo hạt dài

Collagen

Bà Trương Thị Lệ Khanh

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1961

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Là người khởi nghiệp Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 16 năm giữ vị trí Giám Đốc và sau đó là Tổng Giám Đốc. Bà là người có giá trị đặc biệt quan trọng trong việc kết nối, lãnh đạo nhân viên và đề ra các chiến lược mang tính quyết định, đưa Vĩnh Hoàn lên vị trí đầu ngành như ngày hôm nay. Năm 2013, bà được tạp chí Forbes vinh danh là một trong 10 nữ doanh nhân thành đạt của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm

Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị

Năm sinh 1979

Chuyên môn: Cử nhân Luật - MBA - Maastricht school of Management

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 11 năm

Bà Tâm hiện đang giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh và tiếp thị của Công ty, đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn. Bà được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2007 đến nay.

Ông Jean Eric Jacquemin

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Jean Eric Jacquemin là đại diện Quỹ đầu tư Red River Holding, hiện nắm giữ 15,18% cổ phần Công ty. Ông có những đóng góp quan trọng cho Công ty về mặt quản trị và tài chính. Ông được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2011 đến nay.

Ông Huỳnh Đức Trung

Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Giám đốc Dự Án

Năm sinh: 1963

Chuyên môn: Kỹ sư Chế biến công nghệ thực phẩm

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 14 năm

Trước khi gia nhập Vĩnh Hoàn, ông Trung có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành thủy sản tại xí nghiệp đông lạnh Sa Đéc và 4 năm làm việc tại Công ty Xuất Nhập Khẩu Sa Giang. Ông Trung phụ trách thiết lập và theo dõi tiến độ các dự án mới của Công ty, điều hành các hoạt động liên quan đến vận hành, bảo trì và an ninh nhà máy. Ông được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2009 đến nay.

Ông Võ Phú Đức

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1976

Chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Ông Đức được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị vào năm 2012 và hiện đang giữ chức Giám Đốc Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn Collagen 5. Ông giữ vai trò tư vấn và quyết định về mặt kỹ thuật công nghệ cho hoạt động sản xuất của Công ty, đặc biệt là các ngành hàng mới.

THÔNG TIN CHUNG

KẾT QUẢ KINH DOANH & PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Ngành cá tra trong năm 2013 vẫn chưa khởi sắc sau 3 năm liên tục gặp khó khăn. Trong bối cảnh đó, Vĩnh Hoàn đã có nhiều nỗ lực để duy trì mức tăng trưởng về doanh thu. Tuy không đạt được mục tiêu về kế hoạch lợi nhuận đề ra nhưng kết quả lợi nhuận trong năm 2013 vẫn được đánh giá là một điểm sáng của ngành.

Tăng trưởng doanh thu thuần:	**20,51%**
Doanh thu thuần đạt:	**5.095 tỷ đồng**
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt:	**158 tỷ đồng**

Đóng góp chính trong tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần 20,51% là doanh thu từ hoạt động xuất khẩu cá tra và xuất khẩu gạo. Lợi nhuận ròng năm 2013 giảm so với năm 2012 do sự sụt giảm của thị trường xuất khẩu làm ảnh hưởng đến giá bán trong khi chi phí sản xuất lại gia tăng. Diễn biến trái chiều này đã làm biên lợi nhuận gộp giảm đáng kể.

Về mặt tài sản, tăng trưởng tổng tài sản giảm 17,05% là do trong năm 2012 Vĩnh Hoàn thay đổi cơ cấu lại nhóm đầu tư tài chính ngắn hạn.

Khả năng sinh lời

Tỷ suất sinh lời	VHC - 2011	VHC - 2012	VHC - 2013
Tỷ suất lợi nhuận gộp	17,64%	12,95%	11,85%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	9,61%	4,98%	3,11%
Tỷ suất lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	18,65%	7,68%	5,63%
Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (ROE)	36,19%	16,36%	11,33%

Các tỷ suất sinh lợi năm 2013 nhìn chung đều giảm so với năm 2012 là do lợi nhuận sau thuế giảm. Như đã phân tích ở trên, nguyên nhân chính là do sự suy giảm của thị trường xuất khẩu cá tra. Bên cạnh đó, mảng kinh doanh mặt hàng gạo vẫn chưa đi vào ổn định, cộng với những thách thức chung của ngành, đã không mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Cơ cấu doanh thu và chi phí

Chỉ tiêu	VHC - 2011	VHC - 2012	VHC - 2013
Giá vốn hàng bán	82,36%	87,05%	88,15%
Chi phí bán hàng	4,30%	5,19%	4,86%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,36%	2,02%	2,67%
Chi phí hoạt động tài chính	0,28%	-0,45%	-0,06%
Tổng cộng	**88,30%**	**93,80%**	**95,63%**

Công ty luôn đặt trọng tâm kiểm soát chi phí và sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả. Trong liên tiếp 3 năm qua, chi phí cho hoạt động tài chính của Công ty hầu như không phát sinh. Tuy nhiên tỷ trọng giá vốn hàng bán và chi phí quản lý trên doanh thu thuầntăng chủ yếu là do tốc độ tăng của giá bán không tương xứng với tốc độ gia tăng chi phí sản xuất.

Cơ cấu doanh thu

	Doanh thu thuần 2011	Cơ cấu 2011	Doanh thu thuần 2012	Cơ cấu 2012	Doanh thu thuần 2013	Cơ cấu 2013
Doanh thu bán hàng	150	4%	203	5%	291	6%
Doanh thu bán hàng thành phẩm	3.191	78%	3.425	81%	4.180	82%
Doanh thu cung cấp dịch vụ hóa	47	1%	38	1%	30	0,5%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	262	6%	82	2%	52	1%
Doanh thu phế phẩm	454	11%	480	11%	542	10,5%
Tổng	**4.104**		**4.228**		**5.095**	

Tỷ trọng doanh thu năm 2013 không thay đổi nhiều so với năm 2012, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động sản xuất chính vẫn chiếm ở mức trên 80%, trong đó đóng góp chính vào mức tăng trưởng doanh thu là doanh thu từ xuất khẩu cá tra và xuất khẩu gạo.

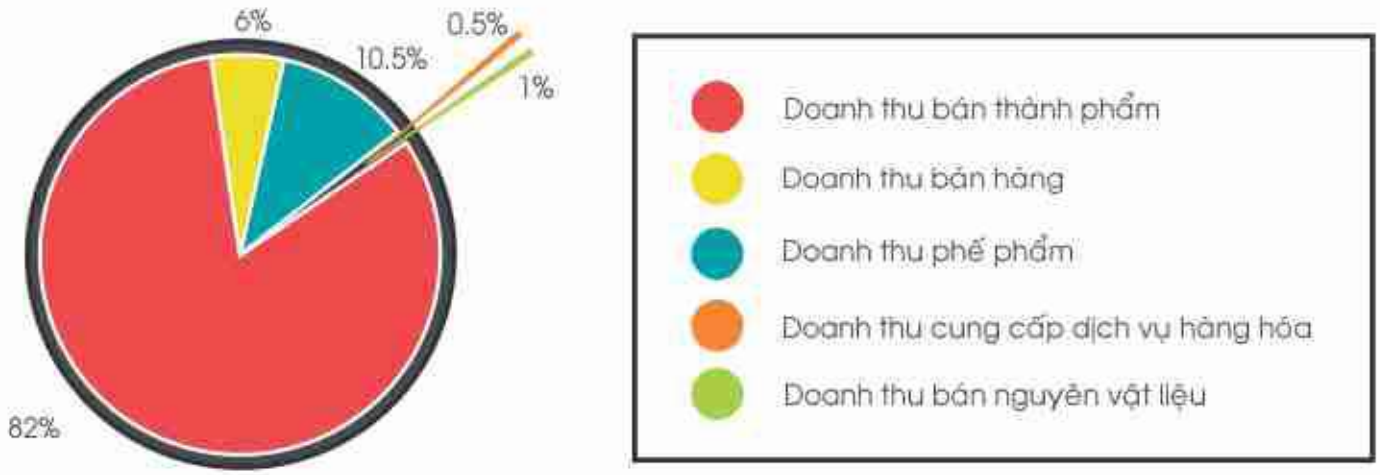

Biểu đồ cơ cấu doanh thu 2013

Hiệu quả sử dụng vốn

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tỷ lệ tồn kho/ giá vốn	24%	27%	24%
Vòng quay hàng tồn kho	4,61	4,53	4,68
Số ngày lưu kho bình quân	79	81	78
Tỷ lệ phải thu/ doanh thu	13,73%	10,6%	8,18%
Vòng quay khoản phải thu	9,03	10,66	10,39
Số ngày thu tiền bình quân	40	34	35

Vĩnh Hoàn vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định trong năm 2013 song song với việc duy trì vòng quay các khoản phải thu và hàng tồn kho hợp lý qua các năm.

Tóm tắt hiệu quả kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	4.104	4.228	5.095
Giá vốn	3.380	3.680	4.491
Lãi gộp	724	548	604
Chi phí bán hàng	177	219	248
Chi phí quản lý doanh nghiệp	56	85	136
Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh	491	244	220
Doanh thu tài chính	101	86	93
Chi phí tài chính	112	67	90
Lợi nhuận tài chính	-11,7	19	3
Doanh thu khác	15,7	10	15
Chi phí khác	15,6	3	10
Lợi nhuận khác	0,1	7	5
Lãi vay (hoạt động tài chính)	70,4	60	77
EBIT (lợi nhuận trước thuế và lãi vay)	550	330	305
Lãi/ lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
EBT (lợi nhuận trước thuế)	480	269,6	228
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64,2	36,9	42
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2,9	-0,03	10
Lợi ích cổ đông thiểu số	18,6	22,3	18
NPAT (lợi nhuận thuần)	394,3	210,4	158

Cơ cấu vốn và khả năng thanh toán

Nhìn chung Vĩnh Hoàn không có rủi ro trong thanh toán khi tổng nợ chỉ chiếm 39% tổng tài sản. Tỷ số thanh toán hiện thời vẫn giữ mức cao hơn 1 cho thấy lượng vốn lưu động dồi dào để đáp ứng việc chi trả.

Cơ cấu vốn

Chỉ số	VHC - 2011	VHC - 2012	VHC - 2013
Tổng nợ/ vốn chủ sở hữu	0,89 lần	1,26 lần	0,68 lần
Tổng nợ/ tổng tài sản	0,46 lần	0,54 lần	0,39 lần
Nợ vay/ tổng tài sản	0,29 lần	0,41 lần	0,23 lần

Khả năng thanh toán

Chỉ số	VHC - 2011	VHC - 2012	VHC - 2013
Tỷ số thanh toán hiện thời	1,69	1,37	1,86
Tỷ số thanh toán nhanh	0,90	0,78	0,65

Cấu trúc tài sản và nguồn vốn

Năm 2013 được xem là một năm khá ổn định về thị trường tài chính thể hiện rõ nhất ở sự ổn định của lãi suất cho vay, lãi suất tiền gởi và tỷ giá ngoại tệ. Với tình hình này Vĩnh Hoàn đã cơ cấu lại ở 2 khoản mục nợ ngắn hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn. Sự thay đổi này giúp Vĩnh Hoàn tối đa hóa lợi nhuận và giảm thấp nhất chi phí cho hoạt động tài chính trong năm 2013.

	VHC - 2011	VHC - 2012	VHC - 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**73,03%**	**74,25%**	**65,13%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,68%	1,16%	2,88%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0,01%	24,02%	0,01%
Các khoản phải thu ngắn hạn	23,41%	14,58%	16,35%
Hàng tồn kho	34,19%	31,96%	43,04%
Tài sản ngắn hạn khác	1,74%	2,54%	2,85%
TÀI SẢN DÀI HẠN	**26,97%**	**25,75%**	**34,87%**
Tài sản cố định	23,50%	23,15%	31,65%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,00%	0,30%	0,30%
Tài sản dài hạn khác	3,47%	2,30%	2,91%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**

NỢ PHẢI TRẢ	**45,72%**	**54,29%**	**38,96%**
Nợ ngắn hạn	43,16%	54,29%	35,38%
Nợ dài hạn	2,57%	0,00%	3,58%
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**51,63%**	**43,24%**	**57,57%**
Vốn chủ sở hữu	51,63%	43,24%	57,57%
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**2,65%**	**2,47%**	**3,47%**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**

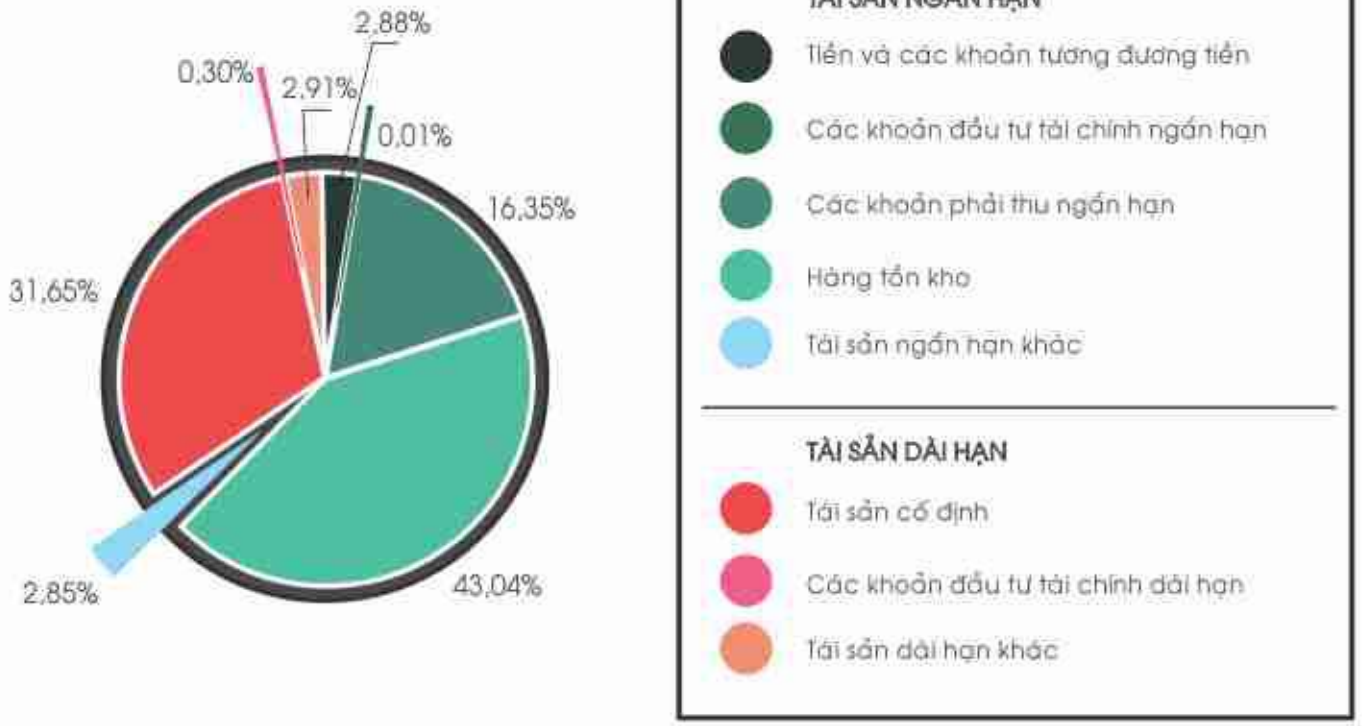

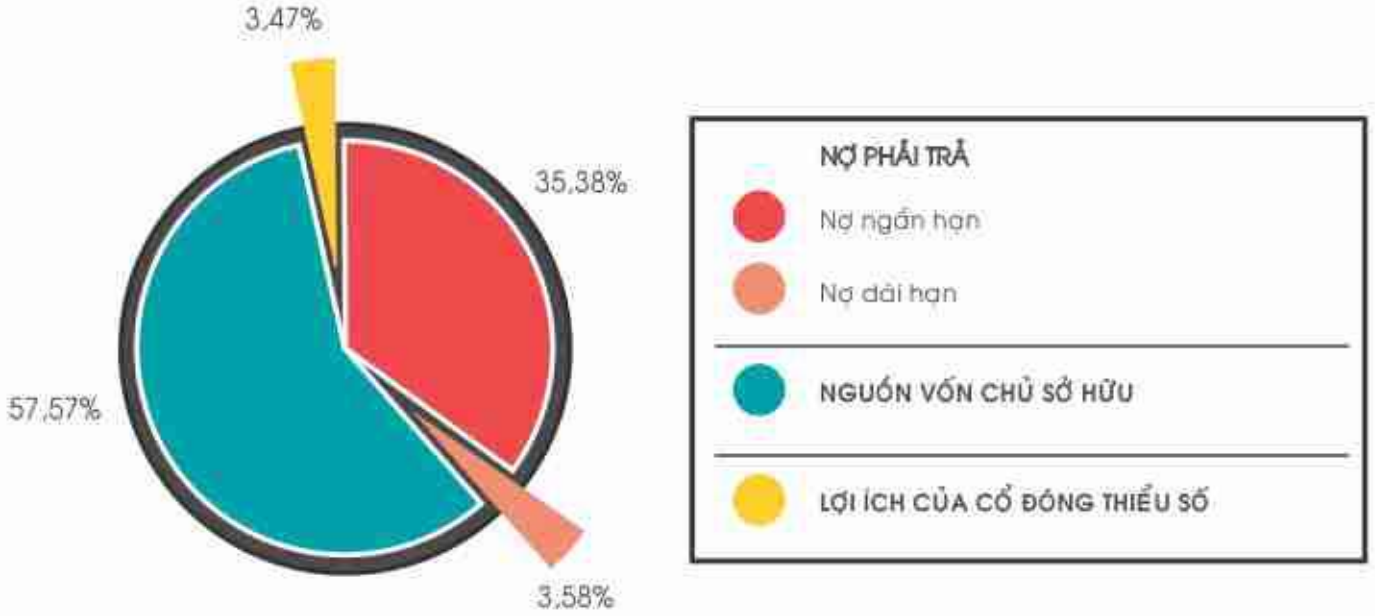

Biểu đồ cơ cấu tài sản 2013

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong tương lai, Vĩnh Hoàn vẫn định hướng là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nông thủy sản với định hướng ngày càng tối ưu hóa ngành nghề cốt lõi là nuôi trồng và chế biến cá tra đông lạnh, đồng thời đầu tư vào những công nghệ và mô hình sản xuất mới mang tính kỹ thuật cao. Cụ thể như sau:

Ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản

Định hướng cạnh tranh về hiệu quả sản xuất, quản trị doanh nghiệp và thương hiệu dựa trên chất lượng sản phẩm và uy tín trong kinh doanh;

Các ngành hàng phụ trợ

Định hướng phát triển dòng sản phẩm và thị trường mới, mô hình và kỹ thuật mới, mang giá trị gia tăng;

Định hướng chuyên nghiệp hóa trong mọi hoạt động

Hoàn thiện hệ thống quản trị để nâng Công ty lên một vị thế có tính cạnh tranh quốc tế với tầm hoạt động rộng lớn hơn.

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC

Bà Trương Thị Lệ Khanh

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1961

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Bà Trương Thị Lệ Khanh là người sáng lập ra Vĩnh Hoàn. Với quy mô ngày càng lớn của Công ty và cơ cấu tổ chức mới, bà giao quyền điều hành và đặt trách nhiệm cho các cán bộ quản lý đối với từng mảng và ngành hàng cụ thể, để quản lý hiệu quả hơn và tập trung vào các kế hoạch phát triển mang tính chiến lược.

Bà Trương Tuyết Phương - Giám Đốc Thu Mua

Năm sinh: 1974

Chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 17 năm

Trước khi trở thành Giám Đốc Thu Mua, trong cơ cấu tổ chức cũ, bà Trương Tuyết Phương là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách quản lý tài chính. Với vai trò mới, bà sẽ quản lý các hoạt động thu mua cho Công ty với định hướng ngày càng nâng cao chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, đồng thời đảm bảo chi phí cạnh tranh nhất. Hiện nay bà Phương kiêm luôn vai trò Giám Đốc Nhân Sự.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Giám Đốc Kinh Doanh và Tiếp Thị

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân Luật - MBA- Maastricht school of Management

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 11 năm

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm hiện đang giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Vĩnh Hoàn. Bà Tâm giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động bán hàng và tiếp thị của Công ty, đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn.

Ông Huỳnh Đức Trung

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Giám Đốc Dự Án

Năm sinh: 1963

Chuyên môn: Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 14 năm

Ông Huỳnh Đức Trung phụ trách việc thiết lập và theo dõi tiến độ của các dự án mới của Công ty, điều hành các hoạt động liên quan đến vận hành, bảo trì và an ninh nhà máy.

Bà Nguyễn Thị Kim Đào - Giám Đốc Tài Chính

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 11 năm

Bà Nguyễn Thị Kim Đào là kế toán trưởng của Vĩnh Hoàn trong 10 năm trước khi trở thành Giám Đốc Tài Chính trong năm 2013. Với vai trò mới này, bà Đào sẽ tập trung vào việc củng cố các quy trình kế toán và tài chính cho Vĩnh Hoàn và các Công ty con, nhằm quản lý chặt chẽ chi phí, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đồng vốn.

Bà Hồ Thanh Huệ - Giám Đốc Sản Xuất

Năm sinh: 1982

Chuyên môn: Kỹ sư Môi trường

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 10 năm

Bà Hồ Thanh Huệ quản lý hoạt động sản xuất của các nhà máy chế biến cá đông lạnh, bộ phận quản lý chất lượng và kho vận. Bà Huệ ngoài việc quản lý sản xuất hiệu quả còn có tham gia tích cực trong các giao tiếp với khách hàng, hỗ trợ cho hoạt động bán hàng của Công ty.

Bà Đặng Thị Thương - Quyền Giám Đốc Vùng Nuôi

Năm sinh: 1988

Chuyên môn: Thạc sĩ Sinh học

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 4 năm

Bà Đặng Thị Thương là người có vai trò quan trọng trong các hoạt động nuôi trồng bền vững, theo các tiêu chuẩn quốc tế của Công ty. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc Vùng Nuôi của Vĩnh Hoàn vào tháng 3 năm 2014 để thực hiện việc cải thiện chất lượng và hiệu quả của các vùng nuôi.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2013 đạt 6,7 tỷ USD, tăng 9,6% so với năm trước. Sự tăng trưởng này chủ yếu do sự đóng góp đáng kể của sản phẩm tôm. Xuất khẩu cá tra tuy vẫn chiếm một tỷ trọng lớn của ngành nhưng hầu như chỉ duy trì mức ổn định so với 2012, đạt 1,76 tỷ USD. Do đó năm 2013 được đánh giá tiếp tục là một năm khó khăn của ngành cá tra Việt Nam, với tình hình nổi bật là sự thu hẹp sản xuất của cả các hộ nuôi và doanh nghiệp chế biến. Tuy nhiên sự thu hẹp này chưa tạo được xu hướng tăng giá bán do sự sụt giảm đáng kể của thị trường truyền thống Châu Âu vốn ở phân khúc khá cao (giảm 9,4%). Chính sự sụt giảm này đã đẩy áp lực bán số lượng lớn hơn sang các thị trường ở phân khúc thấp với giá bán thấp. Diễn biến của hai mảng thị trường khá đối lập này cũng đã phần nào làm ảnh hưởng đến giá bán tại thị trường Mỹ, thị trường lớn nhất của Vĩnh Hoàn. Thị trường Mỹ tuy tăng trưởng tốt nhưng cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Những thay đổi của thị trường cùng với việc gia tăng chi phí sản xuất đã làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, mảng kinh doanh mặt hàng gạo vẫn chưa đi vào ổn định, cộng với những thách thức chung của ngành, đã không mang lại lợi nhuận cho Công ty. Vì vậy, Ban Giám Đốc Công ty đã không hoàn thành mục tiêu do cổ đông đề ra tuy doanh thu vẫn tăng trưởng tốt và mức lợi nhuận được đánh giá là một điểm sáng của ngành.

Ban Giám Đốc Công ty báo cáo với cổ đông các kết quả và hoạt động cụ thể của năm 2013 như sau:

Mức độ thực hiện kế hoạch năm 2013 về doanh thu và lợi nhuận

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu hợp nhất	5.095	4.800	106,15%
Lợi nhuận sau thuế	158	210	75,43%

Hoạt động xuất khẩu

Tổng doanh thu xuất khẩu của Công ty năm 2013 là 196 triệu USD, tăng 13% so với năm ngoái và đạt 102% kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

Trong đó

Thủy sản	163,4 triệu USD
Gạo	12,7 triệu USD
Bột và Mỡ cá	19,7 triệu USD

- Doanh thu xuất khẩu thủy sản tăng 5% so với 2012, bột và mỡ cá tăng 25%.
- Năm 2013 Công ty đã tích cực mở thị trường cho sản phẩm gạo sau khi có giấy phép xuất khẩu vào tháng 4 năm ngoái, bước đầu đã được mức doanh số 12,7 triệu USD với sản lượng 25 ngàn tấn, xuất sang các thị trường Châu Phi, Hongkong, Mỹ, Nga và Canada.

Vị trí của Vĩnh Hoàn trong toàn ngành (*Nguồn: VASEP*)

Thị trường xuất khẩu cá tra

Năm 2013 thị trường xuất khẩu chính của Vĩnh Hoàn vẫn là Mỹ (chiếm 51%) và Châu Âu (chiếm 25%). Đối với thị trường Châu Âu, mặc dù xuất khẩu của toàn ngành giảm, Vĩnh Hoàn vẫn giữ ổn định doanh thu xuất khẩu vào thị trường này nhờ vào chính sách bán hàng vào phân khúc chất lượng cao, vào hệ thống phân phối lớn và uy tín. Đóng góp chính vào sự tăng trưởng của doanh số bán cá tra vẫn là sự tăng trưởng của thị trường Mỹ (tăng 12%). Ngày 31/3/2014 Vĩnh Hoàn đã nhận được mức thuế sau cùng 0.03 usd/kg cho đợt xem xét hành chính lần thứ 9. Với mức thuế này, Công ty sẽ có một lợi thế đáng kể ở thị trường Mỹ, giúp hiện thực hóa các chiến lược kinh doanh quan trọng ở thị trường này, mở rộng thị phần và gia tăng biên lợi nhuận.

Sản phẩm ngoài cá tra fillet đông lạnh

Bột và mỡ cá

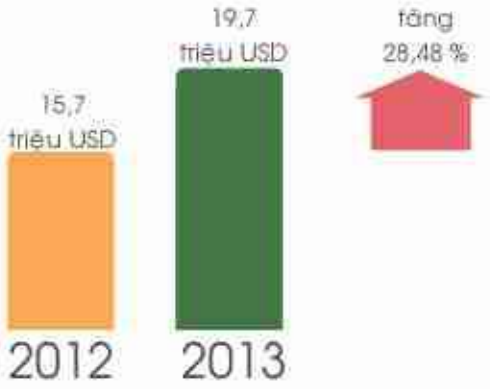

Giá trị xuất khẩu bột và mỡ cá tăng đáng kể do nhu cầu bột cá trên thế giới tăng trưởng và nỗ lực sản xuất hiệu quả của nhà máy thức ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1.

Gạo

Hoạt động sản xuất và nuôi trồng

Năm 2013 là năm Công ty tập trung cải thiện từng khâu trong quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí ở mức tốt nhất, đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng để củng cố thương hiệu Vĩnh Hoàn. Nhờ vào việc thiết lập quy trình quản lý và tạo động lực phấn đấu cho nhân viên cùng các nỗ lực cải thiện chất lượng nguyên liệu, định mức sản xuất ngày càng được tiết giảm, giúp Công ty cạnh tranh hơn về chi phí. Công ty tiếp tục duy trì thực hiện các chứng nhận quản lý chất lượng quốc tế bao gồm BRC, ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, IFS cho nhà máy sản xuất và ISO 17025 cho phòng kiểm nghiệm.

Về hoạt động nuôi trồng thủy sản, trong năm 2013 Công ty đã thực hiện việc áp dụng và mở rộng hệ thống chứng nhận bền vững GlobalGap, BAP và ASC cho các vùng nuôi. Sản lượng cá tự nuôi của Công ty cũng có sự gia tăng so với năm 2012. Chất lượng nguyên liệu được cải thiện góp phần vào việc tăng cường hiệu quả cho khâu chế biến.

Tháng 8 năm 2013 Công ty cũng đã thực hiện việc mua lại xưởng sản xuất bột cá và mỡ cá của Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và kinh doanh của các sản phẩm này.

Tồn kho

Tồn kho cuối năm 2013 tăng 9% so với cuối năm 2012 do tăng tồn kho nguyên liệu thức ăn và thành phẩm. Việc tăng tồn kho là hợp lý với mức tăng trưởng doanh thu thể hiện qua vòng quay hàng tồn kho nhanh hơn tương ứng với số ngày lưu kho bình quân giảm so với năm 2012.

Hàng tồn kho	Cuối năm 2013	Cuối năm 2012
Hàng mua đang đi đường	11.133.839.418	46.753.340.900
Nguyên liệu, vật liệu	242.554.338.932	145.132.019.750
Công cụ, dụng cụ	3.674.151.485	3.363.914.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.130.694.031	374.549.913.324
Thành phẩm	512.713.927.572	468.127.880.252
Hàng hóa	142.717.928	251.944.107
Hàng gửi đi bán	7.293.225.742	7.434.019.712
Cộng	**1.154.642.895.108**	**1.045.613.032.148**

Thay đổi về vốn chủ sở hữu

Trong năm, công ty có phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2012 với tỷ lệ 30%: 13.893.640 cổ phiếu, tương đương 138.936.400.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 là 614.049.130.000 đồng.

Phân phối lợi nhuận

Tỷ lệ cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24/5/2013 là 10%-15% bằng tiền mặt. Công ty đã công bố thông tin việc thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt vào ngày 15/04/2014.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Mục tiêu của Ban kiểm soát là đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành Công ty trên cơ sở mang lại lợi ích cho cổ đông và không có sự mâu thuẫn giữa lợi ích cổ đông và lợi ích của Ban điều hành. Điểm đặc thù của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn là cơ cấu cổ đông khá tập trung và Hội đồng quản trị nắm cổ phiếu chi phối. Do đó, trong thời gian sát cánh cùng Công ty thực hiện nhiệm vụ 2013 mà Đại hội đồng Cổ đông giao phó, Ban kiểm soát chúng tôi thấy được sự trân trọ, cảm xúc và nhiệt huyết của Ban lãnh đạo trong việc điều hành Công ty theo từng biến động của nền kinh tế thị trường nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh và tạo giá trị nền tảng vững bền cho chiến lược các năm tới.

PHẠM VI KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2013

Công việc Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2013 như sau:

1. Đánh giá tính tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan đến ngành đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cấp quản lý có liên quan trong việc điều hành hoạt động của doanh nghiệp;
2. Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Kiểm tra các Báo cáo tài chính định kỳ (của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1, Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2, Vĩnh Hoàn USA Inc.) để đánh giá tính hợp lý, minh bạch của các số liệu tài chính; tham gia quá trình thực hiện kiểm toán và xem xét các khuyến nghị của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao việc quản lý của Công ty;
4. Tham gia kiểm soát chi phí và góp ý xây dựng các quy chế quản trị Công ty;
5. Tham gia quá trình phân tích, đánh giá tiềm năng cho các cơ hội đầu tư các dự án mới và tham gia quá trình đấu thầu của các dự án đang triển khai.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động quản lý và hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty trong năm 2013 như sau:

Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty

Năm 2013, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã có sự chỉ đạo Công ty trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách sâu sát và kịp thời. Các hoạt động quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và các cấp lãnh đạo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các vấn đề thảo luận và các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện các chiến lược một cách phù hợp giúp Công ty có được lợi nhuận trong tình hình nền kinh tế nói chung và ngành thủy sản nói riêng còn nhiều khó khăn và thách thức. Công ty chú trọng về kiểm soát giá thành song song với việc nâng cao chất lượng từ con giống đến nuôi trồng và chế biến, đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của thị trường mà vẫn đảm bảo được lợi nhuận hợp lý. Chất lượng và quy trình kiểm soát của Công ty theo tiêu chuẩn quốc tế đã giúp nâng cao thương hiệu Vĩnh Hoàn, đáp ứng nhu cầu của các thị trường khó tính nhất, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Đổi mới chính là yếu tố quan trọng mà Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm thực hiện xuyên suốt trong năm vừa qua. Đổi mới nhằm phát huy sức mạnh của từng bộ phận, tăng hiệu quả, giảm chi phí. Chiến lược này sẽ được Công ty tiếp tục thực hiện trong những năm tới. Một trong những thay đổi trong năm vừa qua là việc ban hành cơ cấu tổ chức mới theo từng bộ phận chuyên trách. Việc thay đổi mô hình hoạt động và tư duy quản trị Công ty là quá trình lâu dài và cần nhiều nỗ lực nhưng chúng tôi tin rằng đây là quyết định đúng đắn và cơ hội cho Công ty phát triển hơn nữa trong tương lai.

Về mảng thủy sản, xuất khẩu cá tra của Việt Nam trong năm 2013 đạt 1,76 tỷ USD, tăng nhẹ khoảng 1% so với năm 2012. Kim ngạch xuất khẩu cá tra của Vĩnh Hoàn năm 2013 theo thống kê của VASEP đạt 166 triệu USD, chiếm 9,43% thị phần xuất khẩu của Việt Nam, cải thiện khá so với thị phần 8,89 % của năm 2012. Mảng kinh doanh gạo từng bước đi vào ổn định tuy thách thức vẫn còn. Về dự án collagen, nhà máy đã được khởi công xây dựng vào tháng 10 năm 2013. Việc xây dựng nền móng, nhà xưởng chính, hệ thống điện lạnh, nước thải, nước cấp đang được khẩn trương thực hiện để nhà máy có thể bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2014.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu toàn Công ty trong năm 2013 tăng 867 tỷ so với năm 2012 tương đương 21%. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính giảm hơn 50% so với cùng thời điểm năm trước. Các chỉ số về khả năng thanh toán, cơ cấu tài chính và cân bằng tài chính, Vĩnh Hoàn luôn luôn duy trì mức tốt so với các Công ty cùng ngành nghề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và cao hơn mức trung bình của toàn ngành.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2013, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập và các công việc do Ban kiểm soát Công ty thực hiện trên cơ sở các báo cáo này, xét trên phương diện trọng yếu, Ban kiểm soát Công ty không thấy có bất cứ vấn đề nào có thể ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ban kiểm soát Công ty cũng chưa thấy có bất cứ vấn đề nào nghiêm trọng trong công tác lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán cũng như việc tuân thủ các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát có các kiến nghị sau để tạo nền tảng vững chắc cho Công ty trong giai đoạn tới.

1. Hoàn thiện các quy chế quản trị

Do sự phát triển của công ty trong giai đoạn 5 - 10 năm tới, việc quản trị Công ty để tạo khung sườn cho sự mở rộng phát triển là rất cần thiết. Ban kiểm soát đề nghị năm 2014, việc hoàn thiện các quy chế, cơ chế để kiểm tra, kiểm soát, điều phối hoạt động của Công ty cũng như quản lý, phân công, phân nhiệm, quy chế báo cáo cần được ưu tiên nhằm:

- Quản trị Công ty một cách hiệu quả với mục đích kiểm soát và tối ưu hóa nguồn lực;
- Kiểm soát các mối nguy và phân tích rủi ro, ngăn ngừa rủi ro;
- Hỗ trợ Ban giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc phát huy tối đa năng lực các bộ phận trên cơ sở tạo ra thách thức và sức ép tích cực lên các phòng ban và các công ty con;
- Hoàn thiện bộ báo cáo về hoạt động và quy trình xây dựng kế hoạch của phòng ban, công ty con, đưa việc lập kế hoạch vào hoạt động thường xuyên của phòng ban, công ty con.

2. Hoàn thiện về nhân sự quản lý

Nhằm tạo nền tảng cho việc mở rộng thương hiệu Vĩnh Hoàn trên tầm quốc tế và đi chuyên sâu vào các mảng kinh doanh mới, Ban kiểm soát kiến nghị Ban điều hành Công ty lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực vào các vị trí còn khuyết để đáp ứng việc mở rộng sản xuất kinh doanh và giúp hoàn thiện hệ thống quản trị của Công ty.

KẾT LUẬN

Vĩnh Hoàn là tập đoàn thực phẩm hàng đầu, thành công với thế mạnh về chất lượng. Chúng tôi tin tưởng với các chiến lược đúng đắn của Công ty, Vĩnh Hoàn là hình ảnh khác biệt nổi bật của ngành cá tra Việt Nam với chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt, nuôi trồng trong môi trường bền vững và là lựa chọn hàng đầu của các thương hiệu bán lẻ khó tính nhất trên thế giới. Các rào cản kỹ thuật mà các nước nhập khẩu đưa ra là một lợi thế với Vĩnh Hoàn khi Công ty luôn tiên phong trong các vấn đề chất lượng, dịch vụ, môi trường, xã hội và trong việc kiểm soát chất lượng con giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến. Quyết tâm đổi mới và cách thức thực hiện chiến lược đổi mới sẽ là một yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn và gặt hái thêm thành công trong tương lai.

KẾ HOẠCH NĂM 2014

PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh

- Lợi thế về thuế suất và thương hiệu ở thị trường Mỹ, thị trường lớn nhất và tăng trưởng tốt;
- Có uy tín về chất lượng hàng hóa và hệ thống quản lý chất lượng, nuôi trồng khép kín, đặc biệt là ở thị trường Châu Âu;
- Hệ thống nuôi trồng, sản xuất thức ăn và chế biến khép kín, giúp chủ động về nguồn nguyên liệu và tối ưu hóa lợi nhuận của các phân khúc giá trị khác nhau;
- Lực lượng lao động sản xuất trực tiếp ổn định;
- Đội ngũ quản lý nhiệt tình, gắn bó lâu năm và có kinh nghiệm;
- Tình hình tài chính tốt, không có gánh nặng lãi vay, có được các nguồn tài trợ lãi suất cho các dự án mới.

Điểm yếu

- Chưa đa dạng hóa được thị trường ở các phân khúc khác nhau;
- Chưa marketing tối đa và thường xuyên thương hiệu của Vĩnh Hoàn tại Châu Âu và Mỹ;
- Năng lực sản xuất chưa tối ưu;
- Chưa có kinh nghiệm ở những lĩnh vực kinh doanh mới;
- Nhân sự mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và mở rộng của công ty, đặc biệt là ở các dự án mới.

Thách thức

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng;
- Mỹ và Châu Âu vẫn chưa dứt các hoạt động tuyên truyền xấu về cá tra, cảnh báo về các vấn đề chất lượng;
- Đối với sản phẩm gạo, chịu sự khó khăn chung của ngành trong tình hình áp lực cạnh tranh gay gắt do Thái Lan xả tồn kho trong năm 2014.

Cơ hội

- Thị trường còn nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là đối với các sản phẩm có thương hiệu và có các giá trị khác biệt;
- Đối với sản phẩm gạo, có sự phát triển về nhu cầu gạo thơm một cách rõ rệt và có sự nổi lên về nhu cầu lớn từ phía Trung Quốc;
- Ngành thủy sản dần có sự sắp xếp lại, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp có cải tiến và chiến lược kinh doanh đúng đắn tiếp tục tồn tại và lớn mạnh;

KẾ HOẠCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014
DOANH THU HỢP NHẤT	5.095	5.500
Thủy sản và bột mỡ	4.339	4.650
Thức ăn	1.627	1.650
Gạo	328	550
Collagen	-	1
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT	158	200
Thủy sản và bột mỡ	133	155
Thức ăn	64	57
Gạo	(14)	5
Collagen	(0.6)	-

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

Doanh số xuất khẩu: 220 triệu USD

Các chiến lược bán hàng chính

- Hoàn thiện chính sách khuyến khích và thúc đẩy doanh số cho đội ngũ bán hàng
- Bán sản phẩm giá trị gia tăng
- Bán hàng theo quy cách giúp nhà máy tăng công suất
- Bán hàng có thương hiệu
- Quản lý khách hàng tốt hơn và cải thiện dịch vụ bán hàng
- Phát triển thị trường và khách hàng gạo đỏ và gạo thơm.

- Kế hoạch về sản xuất và nuôi trồng thủy sản
    - Tuyển dụng, đào tạo và tái cấu trúc lực lượng lao động để tăng năng suất sản xuất;
    - Nâng cao chất lượng nguyên liệu nuôi trồng để nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời cải thiện hiệu quả sản xuất;
    - Tự cung nguồn nguyên liệu cá 65% trên tổng nhu cầu nguyên liệu của nhà máy trên cơ sở mở rộng diện tích khai thác và tăng cường hiệu suất khai thác của các vùng nuôi hiện tại ;
    - Tiết giảm chi phí sản xuất trên cơ sở rà soát và kiểm soát từng khâu.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Hạng mục đầu tư	Dự toán đầu tư
Mở rộng quy mô và tăng công suất sản xuất thủy sản đông lạnh	500 tỷ
Xây dựng nhà máy Vĩnh Hoàn Collagen 5	345 tỷ
Đầu tư cải tạo các vùng nuôi	100 tỷ
Đầu tư thiết bị mới cho xưởng sản xuất thủy sản	50 tỷ
Đầu tư thiết bị mới, cải tạo cho xưởng bột mỡ	10 tỷ
Tổng cộng	**1.005 tỷ**

CO_2

BÁO CÁO CỦA CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN THỦY SẢN VĨNH HOÀN 1

Địa chỉ:	Quốc lộ 30, cụm công nghiệp Thanh Bình, xã Bình Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
Vốn góp của Vĩnh Hoàn:	69,95%
Ngành nghề kinh doanh:	sản xuất thức ăn thủy sản

Ngành thức ăn thủy sản năm 2013

Với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành cá tra, nhiều nhà máy thức ăn thủy sản đã phải giảm công suất hoạt động trong năm 2013. Bên cạnh đó các loại nguyên liệu đầu vào lại tăng giá, đặc biệt là giá của bã nành, càng gây thách thức lớn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Đối với Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1, nhờ vào sự phát triển ổn định của Vĩnh Hoàn và các công ty có quan hệ làm ăn lâu dài, đã hoàn thành tốt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra cho năm 2013.

Tóm tắt kết quả kinh doanh của Vĩnh Hoàn 1

Doanh thu năm 2013 của Vĩnh Hoàn 1 tăng 10% so với năm 2012 và vượt 7% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 64,3 tỷ đồng, vượt 61% so với kế hoạch.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện năm 2013
Doanh thu	1.479	1.525	1.627
Lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp	75,1	40	64,3

Kế hoạch năm 2014 của Vĩnh Hoàn 1

Năm 2014 dự đoán sẽ tiếp tục là một năm ngành thủy sản nói chung, ngành cá tra nói riêng phải vượt qua khó khăn để khôi phục lại hiệu quả kinh doanh. Do đó, tuy đạt được mức lợi nhuận vượt xa kế hoạch năm 2013, trong năm 2014 Vĩnh Hoàn 1 khá cẩn trọng trong kế hoạch doanh thu và lợi nhuận với mục tiêu duy trì giá bán ổn định, củng cố chất lượng và tối ưu hóa sản xuất.

Công ty đặt kế hoạch cho năm 2014 như sau:

- Doanh thu: 1.650 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 57 tỷ đồng

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2

Địa chỉ:	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Vốn góp của Vĩnh Hoàn:	98,6%
Ngành nghề kinh doanh:	Chế biến gạo xuất khẩu

Ngành gạo xuất khẩu năm 2013

Xuất khẩu gạo trong năm 2013 của Việt Nam đạt 6,61 triệu tấn, kim ngạch gần 2,95 tỷ USD giảm lần lượt 17,4% và 19,7% so với năm 2012. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm về giá và lượng gạo xuất khẩu của gạo nước ta trong năm 2013 là do sự giảm mạnh về nhu cầu từ các thị trường truyền thống như Malaysia, Philippines và Indonesia và sự cạnh tranh khốc liệt với các nước xuất khẩu gạo, đặc biệt là với Thái Lan. Do vậy năm 2013 thật sự là một năm rất khó khăn của ngành gạo.

Tóm tắt kết quả kinh doanh của Vĩnh Hoàn 2

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu	26,3	328,1
Lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp	(6,7)	(13,8)

Nếu như năm 2012 Công ty chỉ bắt đầu hoạt động bán hàng từ tháng 4 sau khi có giấy phép xuất khẩu thì năm 2013 Công ty đã thực sự thâm nhập vào các thị trường tiềm năng, đạt được doanh số gấp hơn 12 lần so với năm ngoái với tổng sản lượng là 32 ngàn tấn. Tuy nhiên Công ty vẫn chưa đạt được lợi nhuận do tình hình khó khăn chung của ngành gạo dẫn đến giá bán thấp, thị phần bị thu hẹp trong khi Công ty phải chịu gánh nặng khấu hao cho những năm đầu hoạt động.

Mặc dù vậy, năm qua Công ty cũng đạt được những kết quả đáng kể về mặt khách hàng và thị trường. Với các sản phẩm truyền thống gạo trắng và gạo thơm, cộng với lợi thế về sản phẩm đặc biệt là gạo đồ Công ty đã xuất khẩu gần 13 triệu USD sang các nước Châu Phi, Nga, Ukraine, Canada, Úc và Hong Kong.

Về mặt sản xuất, nhà máy đã hoàn thiện các dây chuyền chế biến và kho chứa lúa, gạo. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất và kiểm soát định mức sản xuất ở từng khâu. Song song đó, để đáp ứng yêu cầu của một số thị trường ở phân khúc cao và nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoàn thiện tài liệu và hồ sơ ISO.

Kế hoạch năm 2014

Thách thức của ngành gạo trong năm 2014 bao gồm:

- Thái Lan tiếp tục chính sách bán xả tồn kho;
- Ấn Độ có thể tiếp tục ở thế xuất khẩu gạo mạnh nhất thế giới với giá cạnh tranh cao;
- Cambodia và Myanmar tăng cường xuất khẩu.

Cơ hội:

- Phát triển sản phẩm gạo thơm vốn đang trong xu hướng tăng trưởng tốt (toàn ngành xuất khẩu năm 2013 là 800.000 tấn gạo thơm, tăng 70% so với 2012) với lợi thế về khả năng kiểm soát chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất, lưu trữ hiện đại;
- Trung Quốc ngày càng trở nên là một thị trường tiềm lớn cho gạo Việt Nam, có thể giúp thay thế các thị trường truyền thống như Philippines, Indonesia đang suy giảm;
- Một số thị trường tiềm năng ở Châu Phi đã có dấu hiệu phát triển tốt.

Với những cơ hội và thách thức nói trên, Công ty đặt kế hoạch cho năm 2014 như sau:

- Doanh thu: 550 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5 tỷ đồng

Để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, Công ty sẽ thực hiện những chiến lược sau:

- Tiếp tục tập trung sản xuất sản phẩm gạo thơm chất lượng cao và gạo đồ vốn là các sản phẩm ít cạnh tranh và giá cả ổn định, biên lợi nhuận cao;
- Tăng năng suất sản xuất để tiết giảm chi phí, đặc biệt là giảm gánh nặng khấu hao;
- Hoàn thiện các quy trình sản xuất và quản lý chất lượng, đạt các chứng nhận quốc tế về quản lý chất lượng để bán hàng vào các phân khúc cao hơn;
- Hoàn thiện khâu quản lý sản xuất, thu mua và lưu trữ nhằm giảm chi phí và nâng cao chất lượng nguyên liệu;
- Tiếp tục khai thác hiệu quả các kênh bán hàng hiện hữu của mảng thủy sản để tìm kiếm thêm khách hàng và thị trường mới cho sản phẩm gạo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN COLLAGEN 5

Địa chỉ:	Quốc lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Vốn góp của Vĩnh Hoàn:	85%
Ngành nghề kinh doanh:	sản xuất gelatin và collagen từ da cá

Nhà máy chiết xuất gelatin và collagen từ da cá với công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm đã được khởi công xây dựng vào tháng 10 năm 2013. Nhà máy sẽ được hoàn thành và đưa vào vận hành vào đầu cuối năm 2014 và dự kiến đạt 80% công suất thiết kế vào năm 2017, đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2013, Vĩnh Hoàn Collagen 5 đã thực hiện các hoạt động sau:

- Sản xuất collagen tại xưởng thực nghiệm và bán sản phẩm tại thị trường nội địa, xuất khẩu với doanh thu ban đầu là 447 triệu đồng cho năm 2013;
- Hoàn thiện quy trình và lựa chọn thiết bị sản xuất collagen và gelatin theo hướng tiết kiệm đầu tư và cạnh tranh về chi phí sản xuất;

- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kỹ sư và quản lý sản xuất đầy đủ cho sự vận hành của nhà máy vào cuối năm 2014;
- Đạt chứng nhận ISO 9001:2008;
- Tổng vốn đã đầu tư trong năm 2013: 69,97 tỷ đồng
- Hoàn tất việc lựa chọn nhà thầu và các thiết bị chính;
- Khởi công xây dựng nhà máy và đã hoàn tất giai đoạn thi công ép cọc.

Năm 2014 Công ty sẽ tiếp tục nhanh chóng triển khai và hoàn tất công trình xây dựng nhà xưởng chính để sớm đi vào hoạt động vào cuối năm, đồng thời bổ sung lực lượng sản xuất chuẩn bị cho việc nâng dần công suất của nhà máy.

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Công suất vận hành	35%	55%	80%
Doanh thu	140	235	343
Lợi nhuận sau thuế	28	62	100

CÔNG TY VĨNH HOÀN USA (INC)

Địa chỉ: 2522 Chambers Road, Suite 200, Tustin CA 92780

Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 100%

Công ty được thành lập năm 2007 nhằm thực hiện hoạt động nhập khẩu và bán hàng tại thị trường Mỹ. Kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty Vĩnh Hoàn USA (Inc.) như sau:

Doanh thu: 98.464 ngàn USD

Lợi nhuận sau thuế: (700 ngàn USD)

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG NĂM 2013

Nhắc đến Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn là nhắc đến một tập thể đoàn kết, với sức mạnh lao động của hơn 5.000 công nhân viên. Ngoài việc không ngừng nỗ lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao, việc chăm lo đời sống cho công nhân viên và tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện cũng được Công ty chú trọng không kém. Đó cũng là cách thể hiện lòng biết ơn của Công ty đối với địa phương đã là nơi tạo mọi điều kiện phát triển cho Vĩnh Hoàn.

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động như: duy trì các bữa ăn và chế độ ăn đảm bảo chất và lượng, chăm lo chu đáo cho quyền lợi công nhân viên trong Công ty trong các chế độ nghỉ hưu, ốm đau, thai sản, trợ cấp khó khăn; thường xuyên kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên, sắp xếp lao động hợp lý cho từng đối tượng phù hợp với sức khỏe của mình. Thông qua Quỹ Công đoàn, việc thăm hỏi ốm đau, tổ chức tặng quà sinh nhật, mừng ngày cưới của công nhân viên trong Công ty được thực hiện đầy đủ và mang nhiều tình cảm. Công ty còn tổ chức cho trên 2.000 công nhân viên đi tham quan nghỉ mát ở Nha Trang, Phú Quốc, Vũng Tàu; xây dựng 4 căn nhà "Mái ấm Vĩnh Hoàn" cho các công nhân gặp khó khăn về nhà ở. Năm 2013, tuy là năm khó khăn và thách thức của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến thủy sản nhưng công ty Vĩnh Hoàn vẫn đạt được lợi nhuận tốt, đảm bảo thu nhập cho công nhân viên trong toàn Công ty.

- Đối với cộng đồng dân cư xung quanh, Công ty làm tốt công tác từ thiện và nhân đạo, giúp đỡ các đơn vị địa phương trong công tác xây dựng, nâng cấp cầu đường, giúp đỡ các sinh viên, trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn luôn vươn lên trong cuộc sống thông qua các chương trình hỗ trợ gây quỹ học bổng với số tiền gần 500.000.000 đồng, ủng hộ đồng bào Miền Trung bị thiên tai lũ lụt, hỗ trợ tặng gạo cho người nghèo với số tiền gần 700.000.000 đồng. Ngoài ra một số chương trình xã hội nổi bật mà Công ty tham gia còn bao gồm:
- Ủng hộ kinh phí thi công 30 km đèn đường nông thôn trong Chương trình Thắp sáng đường quê với số tiền 967.110.000 đồng;
- Tài trợ kinh phí tổ chức chương trình chạy việt dã tranh cúp Vĩnh Hoàn với mục đích gây quỹ phát thuốc cho bệnh nhân nghèo và đóng góp xây nhà tình thương cho cựu cán bộ đoàn với số tiền 180.000.000 đồng;
- Hỗ trợ quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc năm 2013 với số tiền 100.000.000 đồng;
- Tài trợ học bổng cho các sinh viên nghèo vượt khó của huyện Tháp Mười số tiền 40.000.000 đồng;
- Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả bão lụt thông qua UBMT Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp với số tiền 20.000.000 đồng;
- Ủng hộ 130.000.000 đồng xây dựng hai cây cầu nông thôn ở xã Phong Mỹ và xã Tân Khánh Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số tiền công ty làm công tác từ thiện trong năm 2013 là 3.145.072.000 đồng.

Một số chương trình tiêu biểu trong hơn hàng trăm chương trình vì cộng đồng của Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn năm 2013.

2013

12

SỰ KIỆN	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP
Ủng hộ xây dựng 2 cây cầu nông thôn ở xã Phong Mỹ và Tân Khánh Trung		130.000.000
Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả bão lụt	UBMT Tổ Quốc VN, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000
Tặng học bổng cho tân sinh viên Tháp Mười	Sở GDĐT huyện Tháp Mười	40.000.000
Tặng tập cho các trường trong tỉnh Đồng Tháp		144.000.000
Hỗ trợ quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc 2013	Hội khuyến học tỉnh Đồng Tháp	100.000.000
Tài trợ kinh phí ngày hội thanh niên Việt Nam và giải Việt dã tranh cúp Vĩnh Hoàn lần 4	Tỉnh Đoàn tỉnh Đồng Tháp	180.000.000
Ủng hộ kinh phí thi công đèn đường nông thôn của chương trình "Thắp Sáng Đường Quê"	Tỉnh Đoàn tỉnh Đồng Tháp	967.110.000
Hỗ trợ xây dựng "Mái Ấm Vĩnh Hoàn"	Công Đoàn Cơ Sở Công ty Vĩnh Hoàn	120.000.000

1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Tổng Giám Đốc 50
Báo cáo kiểm toán độc lập 55
Bản cân đối kế toán hợp nhất 57
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 63
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 64
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 66
Phụ lục 106

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 614.049.130.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84-67) 3891 166

Fax : (84-67) 3891 672

E-mail : vh@vinhhoan.com.vn

Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Số 1400604953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 3 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	69,95%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp.	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	90%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	85%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 13.893.640 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013 như sau:

Trích quỹ khen thưởng	10.522.501.238 VND
Trích quỹ phúc lợi	4.209.000.495 VND
Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	5.000.000.000 VND
Chia cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng cổ phiếu	138.936.400.000 VND
Cộng	**158.667.901.733 VND**

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vĩ Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Tuyết Hoa	Trưởng ban	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	25 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Lâm Triều	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám Đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	01 tháng 7 năm 2013
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	09 tháng 01 năm 2014
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc thu mua	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc nhân sự	01 tháng 03 năm 2014	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 09 năm 2007	09 tháng 01 năm 2014
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc dự án	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	09 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Giám đốc kinh doanh	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính	01 tháng 01 năm 2014	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất	01 tháng 3 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời

điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Trương Thị Lệ Khanh

Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.660.675.423.471	2.281.972.775.048
I.	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	110	V.1	73.328.912.771	35.542.358.549
1.	Tiền	111		73.328.912.771	35.542.358.549
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		240.977.578	738.217.050.780
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	240.977.578	738.217.050.780
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		416.902.748.935	448.010.688.289
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	358.814.540.235	366.052.691.239
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	61.061.119.631	65.077.646.858
3.	Phải thu nội bộ ngắn hàng	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	5.594.717.021	21.982.821.808
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.567.627.952)	(4.102.471.616)
IV.	Hàng tồn kho	140		1.097.463.537.707	982.200.197.516
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	1.154.642.895.108	1.045.613.032.148
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	140	V.8	(57.179.357.401)	(63.412.834.632)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		72.739.246.480	78.002.479.914
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4.499.978.448	2.246.631.934
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.598.213.424	38.391.833.023
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		127.746.901	352.310.342
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	22.513.307.707	37.011.704.615

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		888.941.372.566	791.585.564.649
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		807.040.605.187	711.629.848.456
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	605.412.947.816	525.169.868.922
	Nguyên giá	222		1.083.747.762.101	897.461.961.711
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(478.334.814.285)	(372.292.095.789)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	86.074.073.974	79.008.372.706
	Nguyên giá	228		89.430.154.866	81.438.269.366
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.356.080.892)	(2.429.896.661)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	115.553.583.397	107.454.609.828
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.697.000.726	9.200.574.651
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	7.697.000.726	9.200.574.651
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
V.	Lợi thế thương mại	269		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		74.203.766.653	70.755.141.543
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	48.077.487.614	42.234.593.381
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	3.329.418.949	5.937.199.523
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	22.796.860.090	22.583.348.639
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		2.549.616.796.037	3.073.558.339.697

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300		993.334.622.290	1.668.512.424.780
I.	Nợ ngắn hạn	310		901.954.660.554	1.668.512.424.780
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	512.222.635.038	1.354.928.310.721
2.	Phải trả người bán	312	V.20	84.102.525.240	122.717.034.668
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.21	8.372.058.166	8.238.396.638
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	11.873.863.732	16.165.589.271
5.	Phải trả người lao động	315	V.23	53.270.413.299	86.632.280.266
6.	Chi phí phải trả	316	V.24	19.912.570.969	22.847.648.611
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	108.043.114.010	113.014.626.861
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43.100.000.000	43.100.000.000
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	61.057.500.100	51.878.670.725
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		91.379.961.736	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.28	84.116.433.338	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	7.263.528.398	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.467.893.650.986	1.328.996.900.367
I.	Vốn chủ sở hữu	410		1.467.893.650.986	1.328.996.900.367
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	614.049.180.000	475.112.730.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190.492.000.000	190.492.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.30	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36.897.215.355)	(36.897.215.355)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	4.233.565.274	3.991.224.376
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	696.016.171.067	696.298.161.346
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C-	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	88.388.522.761	76.049.014.550
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.549.616.796.037	3.073.558.339.697

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD) Euro (EUR)		2.361.019,06 273,78	1.091.851,44 284,70
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.104.982.308.957	4.236.484.487.918
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	9.970.397.459	8.552.492.043
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	5.095.011.911.498	4.227.931.995.875
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.491.390.771.560	3.680.318.008.967
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		603.621.139.938	547.613.986.908
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	93.375.830.680	86.205.047.922
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	90.566.596.204	66.971.393.139
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		77.026.979.729	60.080.070.480
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	247.603.991.011	219.313.324.505
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	136.205.793.637	85.303.548.346
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		222.620.589.766	262.230.768.840
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	14.623.995.133	10.226.004.741
12.	Chi phí khác	32	VI.8	9.697.712.678	2.820.486.975
13.	Lợi nhuận khác	40		4.926.282.455	7.405.517.766
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		227.546.872.221	269.636.286.606
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	41.637.653.583	36.922.015.839
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	9.871.308.972	(29.031.137)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		176.037.909.666	232.743.301.904
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		17.851.998.211	22.293.277.148
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		158.185.911.455	210.450.024.756
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.579	3.427

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I.	**Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh**				
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	01		**227.546.872.221**	**269.636.286.636**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**				
	- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	110.824.016.997	99.231.679.984
	- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	(1.793.836.456)	19.466.373.945
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	V.3, V.4	2.897.171	(9.817.814)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.5, V.7, V.9	(76.663.053.937)	(51.537.090.280)
	- Chi phí lãi vay	06	V.4	77.556.979.729	80.000.070.460
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	08		**336.373.885.727**	**388.116.568.917**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.694.604.891	108.028.833.066
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(107.860.055.316)	(176.860.689.930)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(53.056.995.837)	6.991.550.648
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.458.922.724)	(6.749.211.001)
	- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, V.4	(79.132.794.680)	(59.086.830.316)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(46.316.457.465)	(59.024.260.310)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.348.845.504	2.000.000.000
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.034.837.350)	(15.582.311.379)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**61.664.276.750**	**179.830.376.684**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VI	(197.330.850.192)	(221.422.678.451)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản	22		447.160.455	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.023.926.798)	(1.171.800.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		940.840.794.196	426.201.033.800
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, V.3	95.368.266.329	34.028.686.951
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**639.001.443.990**	**(933.692.958.000)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19, V.28	5.626.568.523.538	3.856.862.724.588
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(6.285.157.765.883)	(3.294.445.021.100)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.507.494.000)	(102.437.720.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(663.096.736.345)**	**459.979.982.988**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**37.568.986.395**	**(293.882.598.328)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**35.542.358.549**	**329.424.956.877**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		217.567.827	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**73.328.912.771**	**35.542.358.549**

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến
3. Ngành nghề kinh doanh : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo.
4. Tổng số các công ty con : 05

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất : 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	97,14%	97,14%

6. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 13.893.640 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013
(Tiếp theo)

I. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013
(Tiếp theo)

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $^1/_2$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng

được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2012	:	20.813 VND/USD
	31/12/2013	:	21.036 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.826.153.335	2.685.551.236
Tiền gửi ngân hàng	70.502.759.436	32.856.807.313
Cộng	**73.328.912.771**	**35.542.358.549**

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	169.900.127.143	200.083.421.316
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	14.493.504.694	28.776.077.619
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	1.333.675.000	423.545.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	173.087.233.398	135.769.647.404
Cộng	**358.814.540.235**	**365.052.691.239**

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	26.351.448.769	62.162.293.766
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	8.681.667.184	2.402.529.262
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	-	302.000.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	22.505.377.979	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	3.522.625.699	210.823.830
Cộng	**61.061.119.631**	**65.077.646.858**

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòan và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	17.208.333.333
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	533.043.825	3.351.641.760
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	3.235.336.800	-
Các khoản phải thu khác	1.826.336.396	1.422.846.715
Cộng	**5.594.717.021**	**21.982.821.808**

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	475.628.208
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	3.626.843.408
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.567.627.952	-
Cộng	**8.567.627.952**	**4.102.471.616**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	4.102.471.616
Trích lập dự phòng bổ sung	4.439.650.777
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	25.505.559
Số cuối năm	**8.567.627.952**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	11.133.839.418	46.753.340.900
Nguyên liệu, vật liệu	242.554.338.932	145.132.019.750
Công cụ, dụng cụ	3.674.151.485	3.363.914.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.130.694.031	374.549.913.324
Thành phẩm	512.713.927.572	468.127.880.252
Hàng hóa	142.717.928	251.944.107
Hàng gửi đi bán	7.293.225.742	7.434.019.712
Cộng	**1.154.642.895.108**	**1.045.613.032.148**

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 41 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	63.412.834.632
Hoàn nhập dự phòng	(6.233.477.231)
Số cuối năm	**57.179.357.401**

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.830.964.538	1.007.907.670
Chi phí bảo hiểm	1.669.013.910	1.238.724.264
Cộng	**4.499.978.448**	**2.246.631.934**

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	22.141.201.707	33.773.425.015
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	372.106.000	3.238.279.600
Cộng	**22.513.307.707**	**37.011.704.615**

(*)Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 18.590.712.000 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	370.821.413.702	496.475.636.959	26.942.349.301	3.222.561.749	897.461.961.711
Tăng trong năm	96.270.867.054	89.488.608.249	6.415.399.703	89.843.123	192.264.718.129
Mua sắm mới	24.060.987.685	81.986.971.206	5.406.821.361	81.581.819	111.536.362.071
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	71.918.252.129	7.109.022.043	994.176.685	-	80.021.450.857
Tăng khác	291.627.240	392.615.000	14.401.657	8.261.304	706.905.201
Giảm trong năm	(850.451.135)	(4.425.431.132)	(99.692.727)	(603.342.745)	(5.978.917.739)
Thanh lý, nhượng bán	(731.466.953)	(983.879.748)	(60.000.000)	-	(1.775.346.701)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(118.984.182)	(3.441.551.384)	(39.692.727)	(603.342.745)	(4.203.571.038)
Số cuối năm	**466.241.829.621**	**581.538.814.076**	**33.258.056.277**	**2.709.062.127**	**1.083.747.762.101**
Trong đó					
Khấu hao hết nhưng còn sử dụng	9.475.390.771	60.824.675.947	2.661.742.365	1.131.845.636	74.093.654.719
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	85.333.635.229	272.371.052.625	12.379.768.769	2.207.639.166	372.292.095.789
Tăng trong năm	37.627.659.391	68.342.693.891	3.487.324.585	485.923.738	109.943.601.605
Khấu hao trong năm	37.580.269.980	68.342.693.891	3.482.524.030	480.524.165	109.886.012.066
Tăng khác	47.389.411	-	4.800.555	5.399.573	57.589.539
Giảm trong năm	(285.703.112)	(3.119.733.019)	(85.182.093)	(410.264.585)	(3.900.882.809)
Thanh lý, nhượng bán	(181.074.492)	(600.612.444)	(57.499.977)	-	(839.086.913)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(104.628.620)	(2.519.220.575)	(27.682.116)	(410.264.585)	(3.061.795.896)
Số cuối năm	**122.675.591.508**	**337.594.013.497**	**15.781.911.261**	**2.283.298.319**	**478.334.814.585**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	285.487.778.473	224.104.584.334	14.562.580.532	1.014.922.583	525.169.865.922
Số cuối năm	**343.866.238.113**	**243.944.800.579**	**17.476.145.016**	**425.763.808**	**605.712.947.516**
Trong đó					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 378.482.443.854 VND và 180.309.949.349 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	80.553.973.566	884.295.800	81.438.269.366
Mua trong năm	7.370.376.200	69.000.000	7.439.376.200
Đầu tư xây dựng hoàn thành	567.330.000	-	567.330.000
Giảm khác	-	(14.820.720)	(14.820.720)
Số cuối năm	**88.491.679.766**	**938.475.080**	**89.430.154.846**
Trong đó			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	468.773.790	468.773.790

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.758.233.137	674.663.524	2.432.896.661
Khấu hao trong năm	862.282.005	75.722.926	938.004.931
Giảm khác	-	(14.820.720)	(14.820.720)
Số cuối năm	**2.620.515.142**	**735.565.730**	**3.356.080.872**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	78.795.740.429	209.632.276	79.005.372.705
Số cuối năm	**85.871.164.624**	**202.909.350**	**86.074.073.974**

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 36.183.027.315 VND và 13.404.812.099 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	53.260.584.086	103.204.552.261	(77.457.356.105)	79.007.780.242
XDCB dở dang	54.194.025.742	62.940.558.570	(80.588.780.857)	36.545.803.455
Chi phí cho các ao nuôi cá	14.292.825.909	16.241.726.332	(28.020.934.919)	2.513.617.322
Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 2)	35.031.259.255	9.754.486.597	(44.785.745.852)	-
Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 5)	-	21.728.553.127	-	21.728.553.127
Xây dựng cơ bản dở dang khác	4.869.940.578	15.215.792.514	(7.782.100.086)	12.303.633.006
Cộng	**107.454.609.828**	**166.145.110.831**	**(158.046.136.962)**	**118.553.583.697**

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 [a]	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) [b]	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 [c]	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	100.000.000.000 VND	99,30%	99,37%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 [c]	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Colagen 5 [c]	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	80.000.000.000 VND	97,14%	-

[a] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400604963, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 3 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

[b] Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

[c] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 67.971.798.868 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 28.201.132 VND.

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	32.317.994.248	16.787.980.678	(10.379.007.348)	38.726.967.578
Tiền thuê đất	9.916.599.133	-	(2.251.517.635)	7.665.081.498
Chi phí khác	-	1.685.438.538	-	1.685.438.538
Cộng	**42.234.593.381**	**18.473.419.216**	**(12.630.524.983)**	**48.077.487.614**

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

Số đầu năm	5.937.199.523
Hoàn nhập trong năm	(2.607.780.574)
Số cuối năm	**3.329.418.949**

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	512.222.635.038	1.254.928.310.721
Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp - An Giang [a]	3.200.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	41.656.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh [b]	441.269.864.823	1.055.450.122.563
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	-	129.825.647.941
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) [c]	67.752.770.215	27.996.540.217
Vay dài hạn đến hạn trả		-
Cộng	**512.222.635.038**	**1.254.928.310.721**

[a] Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản cố định thuộc phân xưởng 3.

[b] Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

[c] Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 trị giá 41 tỷ đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	1.254.928.310.721
Số tiền cho vay phát sinh	5.497.452.090.200
Số tiền vay đã phải trả	(6.240.157.765.883)
Số cuối năm	**512.222.635.038**

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	56.258.226.361	71.172.964.175
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	25.582.110.871	46.580.235.141
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	1.974.294.510	4.960.689.085
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	3.155.394	3.146.287
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	284.738.104	-
Cộng	**84.102.525.240**	**122.717.034.668**

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	5.533.629.938	8.172.039.188
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	51.529.416	66.355.450
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	1.801.610.000	-
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	985.268.812	-
Cộng	**8.372.038.166**	**8.238.394.638**

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	9.478.897.784	(8.403.984.764)	1.074.913.020
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	42.176.700	40.683.271.768	(40.725.448.468)	-
Thuế xuất, nhập khẩu [a]	(300.710.342)	522.869.079	(349.905.638)	(127.746.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp [b]	13.852.114.367	41.637.653.583	(45.613.873.481)	9.875.894.469
Thuế thu nhập cá nhân	1.261.268.204	3.681.684.314	(4.019.896.275)	923.056.243
Thuế nhà đất	-	2.091.102.482	(2.091.102.482)	-
Các loại thuế khác [c]	(51.600.000)	928.171.904	(876.571.904)	-
Cộng	**14.803.248.929**	**99.023.650.914**	**(102.080.783.012)**	**11.746.116.831**

* Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	237.711.705	1.813.526.626
Tiền thuê đất phải trả	-	2.669.206.667
Chi phí phải trả cho luật sư	-	5.165.344.000
Chi phí vận chuyển	14.431.569.893	8.507.772.192
Chi phí khác	5.243.289.371	4.701.799.126
Cộng	**19.912.570.969**	**22.847.648.611**

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	7.549.230.208	6.172.989.756
Cổ tức phải trả	3.033.256.000	28.260.000
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	3.975.834.292	1.983.775.356
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	92.059.995.316	103.191.208.579
Các khoản phải trả khác	1.424.798.194	1.638.292.170
Cộng	**108.043.114.010**	**113.014.525.861**

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	51.878.670.725
Trích quỹ trong năm	19.731.601.733
Chi quỹ trong năm	(10.552.672.358)
Số cuối năm	**61.057.500.100**

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo b\ằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	42.058.216.669
Trên 05 năm	42.058.216.669
Tổng nợ	**84.116.433.338**

Chi tiết phát sinh như sau

Số đầu năm	129.116.433.338
Số tiền vay đã trả	(45.000.000.000)
Số cuối năm	**84.116.433.338**

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Phát sinh trong năm	7.263.528.398
Số cuối năm	**7.263.528.398**

30. Vốn chủ sở hữu

Bản đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 138.936.400.000 VND. Ngày 04 tháng 7 năm 2013 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 614.049.130.000 VND.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.404.913	47.511.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.404.913	47.511.273
Cổ phiếu phổ thông	61.404.913	47.511.273
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.206.163	46.312.523
Cổ phiếu phổ thông	60.206.163	46.312.523
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND và do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm trong giai đoạn xây dựng để hình thành Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	76.049.014.550
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	2.200.000.000
Lợi nhuận trong năm	17.651.998.211
Trừ lợi nhuận đã chia	(7.512.490.000)
Cộng	**88.388.522.761**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	5.104.982.308.957	4.236.484.487.918
Doanh thu bán hàng hóa	290.992.887.225	203.089.247.769
Doanh thu bán thành phẩm	4.188.025.878.697	3.432.923.738.910
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.146.735.045	38.243.990.289
Doanh thu bán nguyên vật liệu	51.592.162.458	81.751.521.063
Doanh thu phế phẩm	544.224.645.632	480.475.989.887
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(9.970.397.459)	(8.552.492.043)
Giảm giá hàng bán	(2.762.178.639)	(4.777.634.528)
Hàng bán bị trả lại	(7.208.218.820)	(3.774.857.515)
Doanh thu thuần	**5.095.011.911.498**	**4.227.931.995.875**

Năm 2013
(Tiếp theo)

Trong đó:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa	290.985.226.425	203.084.901.242
Doanh thu thuần bán thành phẩm	4.179.896.005.938	3.424.418.489.110
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	30.146.735.045	38.243.990.289
Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	51.592.162.458	81.751.521.063
Doanh thu thuần phế phẩm	542.391.781.632	480.433.094.171

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	255.130.869.600	160.437.060.708
Giá vốn của thành phẩm	3.664.574.087.635	3.014.947.227.214
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	811.141.817	-
Giá vốn của nguyên vật liệu	46.857.241.204	70.448.812.246
Giá vốn của phế phẩm	530.250.908.535	416.568.017.125
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.233.477.231)	17.916.891.674
Cộng	**4.491.390.771.560**	**3.680.318.008.967**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	67.214.166.858	40.822.351.097
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	345.032.716	734.889.968
Lãi cho vay	1.037.220.271	1.481.121.734
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	8.084.392.029	5.343.753.008
Lãi bán hàng trả chậm	2.861.374.109	3.589.794.445
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.831.757
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.833.644.697	34.223.305.913
Cộng	**93.375.830.680**	**86.205.047.922**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	77.556.979.729	60.030.070.480
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.897.171	13.943
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.006.719.304	6.941.308.716
Cộng	**90.566.596.204**	**66.971.393.139**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.323.312.493	6.755.965.507
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.879.489.270	448.974.084
Chi phí khấu hao TSCĐ	350.077.863	179.644.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.668.573.045	180.091.516.484
Chi phí khác	93.382.538.340	31.837.224.410
Cộng	**247.603.991.011**	**219.313.324.505**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	33.849.663.599	34.738.102.649
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.331.534.454	1.397.341.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.024.524.570	7.333.732.095
Thuế, phí và lệ phí	1.841.742.319	3.875.702.789
Chi phí dự phòng	5.160.997.797	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.459.635.879	8.252.368.375
Chi phí khác	24.537.695.019	29.706.300.858
Cộng	**136.205.793.637**	**85.303.548.346**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	447.160.455	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	-	2.691.805.748
Các khoản nợ không phải trả	769.204.074	5.891.101.418
Thu nhập khác	13.407.630.604	1.643.097.575
Cộng	**14.623.995.133**	**10.226.004.741**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	781.259.785	-
Chi phí khác	8.916.452.893	2.820.486.975
Cộng	**9.697.712.678**	**2.820.486.975**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	7.263.528.398	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.607.780.574	(29.031.137)
Cộng	**9.871.308.972**	**(29.031.137)**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	158.385.911.455	210.450.024.756
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	158.385.911.455	210.450.024.756
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	61.404.913	61.404.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.579**	**3.427**

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47.511.273	47.151.273
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	13.893.640	14.253.640
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**61.404.913**	**61.404.913**

Năm 2013 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30%. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.544 VND xuống còn 3.427 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	3.867.892.996	6.357.067.687
Ứng trước mua tài sản cố định	49.679.210.836	62.556.487.002
Tăng vốn bằng cổ tức	138.936.400.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Mua nguyên vật liệu	-	19.125.410.600
Mượn tiền	12.000.000.000	-
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	8.728.045.580	37.042.774.600
Bán hàng hóa	286.575.046	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	20.000.000	18.361.247.350
Cộng nợ phải thu	**20.000.000**	**18.361.247.350**
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	-	348.033.320
Các cá nhân có liên quan	825.795.280	5.019.916.900
Cộng nợ phải trả	**825.795.280**	**5.367.950.220**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.562.601.000 VND (năm trước là 6.445.976.539 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, dịch vụ	15.220.293.850	16.145.142.148
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ	2.691.393.580	156.079.430
Bán thành phẩm	7.333.632.440	6.684.201.000
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	6.925.802.687	11.235.097.037
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	21.175.449.035	18.453.566.762
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	1.255.289.269	825.398.070

Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Năm nay	Năm trước
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa	43.871.244.023	12.614.035.390
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	571.859.214.216	581.608.970.607
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	110.092.097.087	79.673.059.877
Phải thu lãi ứng tiền hàng	224.913.780	-
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	28.012.611.820	37.286.814.418
Bán thành phẩm	242.910.194.480	286.463.111.300
Thu hộ tiền hàng	-	56.700.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	533.043.825	3.351.641.760
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	-	1.748.081.409
Cộng nợ phải thu	**533.043.825**	**5.099.723.169**
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	3.975.834.292	1.983.775.356
Phải trả tiền hàng	2.556.362.241	1.594.842.653
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	92.059.995.316	103.191.208.579
Phải trả tiền hàng	6.318.544.967	-
Cộng nợ phải trả	**104.910.736.816**	**106.769.826.588**

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	4.146.414.409.163	3.344.556.221.986
Trong nước	948.597.502.335	883.375.773.889
Cộng	**5.095.011.911.498**	**4.227.931.995.875**

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.969.689.556	3.011.248.260
Trên 01 năm đến 05 năm	4.836.035.856	6.574.085.807
Trên 05 năm	11.797.923.003	13.006.931.967
Cộng	**19.603.648.415**	**22.592.266.034**

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối năm	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.328.912.771	-	-	-	73.328.912.771
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.977.578	-	-	-	240.977.578
Phải thu khách hàng	345.906.753.925	-	3.696.445.920	9.211.340.390	358.814.540.235
Các khoản cho vay	7.697.000.726	-	-	-	7.697.000.726
Các khoản phải thu khác	95.480.234.375	-	-	-	95.480.234.375
Cộng	**522.653.879.376**	**-**	**3.696.445.920**	**9.211.340.390**	**535.561.665.685**

Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.542.358.549	-	-	-	35.542.358.549
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	738.217.050.780	-	-	-	738.217.050.780
Phải thu khách hàng	358.767.566.408	-	-	6.285.124.831	365.052.691.239
Các khoản cho vay	9.200.574.651	-	-	-	9.200.574.651
Các khoản phải thu khác	48.166.018.072	-	-	-	48.166.018.072
Cộng	**1.189.893.568.460**	**-**	**-**	**6.285.124.831**	**1.196.178.693.291**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản

vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Vay và nợ	512.460.346.743	42.058.216.669	42.058.216.669	596.576.780.081
Phải trả người bán	84.102.525.240	-	-	84.102.525.240
Các khoản phải trả khác	228.395.398.022	-	-	228.395.398.022
Cộng	**824.958.270.005**	**42.058.216.669**	**42.058.216.669**	**909.074.703.343**
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.256.741.837.347	-	-	1.256.741.837.347
Phải trả người bán	122.717.034.688	-	-	122.717.034.688
Các khoản phải trả khác	127.875.658.090	-	-	127.875.658.090
Cộng	**1.507.334.530.125**	**-**	**-**	**1.507.334.530.125**

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.361.019,06	273,78	-	1.091.851,44	284,70	-
Phải thu khách hàng	15.144.443,25	-	-	15.378.852,14	-	-
Các khoản phải thu khác	1.279.717,47	-	-	1.316.657,71	-	-
Vay và nợ	-	-	-	(48.822.297,07)	-	-
Phải trả người bán	(237.567,90)	-	-	(160.568,32)	-	-
Các khoản phải trả khác	(5.287.699,76)	-	(84.048,26)	(5.629.931,26)	-	(86.753,63)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	**13.259.912,12**	**273,78**	**(84.048,26)**	**(36.825.435,36)**	**284,70**	**(86.753,63)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 5.578.710.227 VND (năm trước giảm/tăng 15.715.900.480VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và GBP đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	(596.339.068.376)	-	(238.057.507.346)	(48.822.297,07)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	**(596.339.068.376)**	-	**(238.057.507.346)**	**(48.822.297,07)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 11.926.781.368 VND (năm trước giảm/ 4.761.150.147 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị ghi sổ là 600 tỷ VND.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.328.912.771	-	35.542.358.549	-	73.328.912.771	35.542.358.549
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.977.578	-	738.217.050.780	-	240.977.578	738.217.050.780
Phải thu khách hàng	358.814.540.236	(8.567.627.952)	365.052.691.239	(4.102.471.616)	350.246.912.283	360.950.219.623
Các khoản cho vay	7.697.000.726	-	9.200.574.651	-	7.697.000.726	9.200.574.651
Các khoản phải thu khác	95.480.234.375	-	48.166.018.072	-	95.480.234.375	48.166.018.072
Cộng	**535.561.665.685**	**(8.567.627.952)**	**1.196.178.693.291**	**(4.102.471.616)**	**526.994.037.733**	**1.192.076.221.675**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	596.339.068.376	1.254.928.310.721	596.339.068.376	1.254.928.310.721
Phải trả người bán	84.102.525.240	122.717.034.688	84.102.525.240	122.717.034.688
Các khoản phải trả khác	228.633.109.727	129.689.184.716	228.633.109.727	129.689.184.716
Cộng	**909.074.703.343**	**1.507.334.530.125**	**909.074.703.343**	**1.507.334.530.125**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC: BẢN ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	3.991.224.376	613.942.189.127	1.243.040.928.148
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	3.600.000.000	-	-	-	(3.600.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	210.450.024.756	210.450.024.756
Tăng khác	-	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(32.604.006.537)	(32.604.006.537)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(91.905.046.000)	(91.905.046.000)
Số dư cuối năm trước	**475.112.730.000**	**190.492.000.000**	**(36.897.215.355)**	**3.991.224.376**	**696.298.161.346**	**1.328.996.900.367**
Số dư đầu năm nay	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	3.991.224.376	696.298.161.346	1.328.996.900.367
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	138.936.400.000	-	-	-	(138.936.400.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	158.385.911.455	158.385.911.455
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(19.731.501.734)	(19.731.501.734)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	242.340.898	-	242.340.898
Số dư cuối năm nay	**614.049.130.000**	**190.492.000.000**	**(36.897.215.355)**	**4.233.565.274**	**696.016.171.067**	**1.467.893.650.986**

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Danh sách Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị

- Bà Trương Thị Lệ Khanh — Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Ngô Vĩ Tâm — Thành viên HĐQT
- Ông Huỳnh Đức Trung — Thành viên HĐQT
- Ông Jean Eric Jacquemin — Thành viên HĐQT
- Ông Võ Phú Đức — Thành viên HĐQT

Hội Đồng Quản Trị có hai thành viên độc lập, không trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty.

1.2. Danh sách Ban Kiểm Soát

- Bà Trương Tuyết Hoa — Trưởng ban
- Ông Phạm Lâm Triều — Thành viên
- Bà Hồ Thanh Huệ — Thành viên

❖ Ông Phạm Lâm Triều thay thế Ông Nguyễn Văn Nghệ miễn nhiệm khỏi vị trí thành viên Ban Kiểm Soát kể từ ngày 24/05/2013 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24/05/2013.

Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2013

Mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vĩnh hoàn được thực hiện dựa trên mức do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và căn cứ vào vị trí, tính chất công việc và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát không nhận các khoản lợi ích nào khác của Vĩnh Hoàn.

Trong năm 2013, theo Nghị quyết do Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 24/5/2013, tổng thù lao cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và thư ký Hội Đồng Quản Trị là 150.000.000 đồng/tháng cho 13 tháng, tổng cộng 1.950 triệu đồng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng và những người có liên quan

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	30.383.428	49,48%
Huỳnh Đức Trung	Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc	46.512	0,07%
Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc	57.233	0,09%
Trương Tuyết Phương	Giám Đốc	49.231	0,08%
Đặng Văn Viễn	Giám Đốc	40.817	0,06%
Nguyễn Thị Kim Đào	Giám Đốc	43.802	0,07%
Trương Tuyết Hoa	Trưởng Ban Kiểm Soát	31.908	0,05%
Hồ Thanh Huệ	Thành viên Ban Kiểm Soát	27.818	0,04%

(theo danh sách chốt ngày 14/06/2013)

2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị họp chính thức định kỳ hàng quý và thường xuyên họp mặt, gọi điện thoại không chính thức để trao đổi nhanh tình hình hoạt động của Công ty. Trong năm 2013, hoạt động cụ thể của Hội Đồng Quản Trị trong việc giám sát ban điều hành Công ty thực hiện mục tiêu kinh doanh do cổ đông đề ra bao gồm:

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, Báo cáo thường niên năm 2012, Bán niên 6 tháng đầu năm 2013 và bán niên 6 tháng cuối năm 2013;
- Dự báo tình hình kinh doanh năm 2014;
- Thông qua các tờ trình và chương trình Đại hội cổ đông năm 2013;
- Thông qua các chương trình vay vốn năm 2013;
- Thông qua tình hình hoạt động của các công ty con;
- Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng cổ phiếu.
- Thống nhất công việc, phân công công việc và chương trình làm việc của các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Trong năm 2013, Hội Đồng Quản Trị có các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 10 tháng 01 năm 2013 về việc thu hồi cổ phiếu ESOP của CBCNV thôi việc;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 28 tháng 02 năm 2013 về việc chuyển cổ phiếu ESOP của CBCNV từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng giai đoạn 2008-2009;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 27 tháng 02 năm 2013 về việc chuyển cổ phiếu ESOP của CBCNV từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng giai đoạn 2010;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 20 tháng 04 năm 2013 về việc chấp thuận và phê duyệt các hạn mức tín dụng tổng số US$8.000.000 từ ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam);
- Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24 tháng 05 năm 2013;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 08 tháng 05 năm 2013 về việc tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 30 tháng 07 năm 2013 về việc tăng vốn góp vào Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2;
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 01 tháng 08 năm 2013 về việc mua lại xưởng bột cá, mỡ cá của Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

3. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và của Ban Giám đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ về tính tuân thủ chuẩn mực, minh bạch và tính hợp lý của các số liệu tài chính bao gồm phần báo cáo của Công ty mẹ và phần hợp nhất;
- Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Tổ chức kiểm tra thực tế tại nhà máy của các Công ty con;
- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông cũng như việc chấp hành luật pháp và điều lệ Công ty của Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành.

4. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Với phương châm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch và kết nối tốt với nhà đầu tư, trong năm 2013 Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quan hệ nhà đầu tư thông qua các nội dung sau:

- Luôn chú trọng đến việc cung cấp thông tin đúng, đủ và cập nhật nhất, giúp nhà đầu tư hiểu sâu hơn về hoạt động của Công ty từ đó đưa ra quyết định đầu tư kịp thời;

- Xây dựng quy trình cụ thể thực hiện công tác quan hệ nhà đầu tư;
- Xây dựng gói thông tin doanh nghiệp phục vụ việc trình bày, trao đổi thông tin khi tiếp xúc với nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích;
- Tiếp tục thực hiện bản tin tổng hợp hàng tháng cung cấp cho cộng đồng nhà đầu tư thông tin giao dịch cổ phiếu VHC và thông tin cập nhật về Vĩnh Hoàn;
- Tiếp xúc và đối thoại trực tiếp với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức tài chính trung gian và các đơn vị truyền thông.

5. Dữ liệu thống kê cổ đông

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Trương Thị Lệ Khanh	384 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, tp HCM	30.383.428	49,48
2	Red River Holding	9A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, tp HCM	9.322.727	15,18
3	Quỹ đầu tư Việt Nam	Tầng 10, tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, Q. Hoàn Kiếm, HN	5.073.980	8,26

(theo danh sách chốt ngày 14/06/2013)

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông là tổ chức**	**37**	**21.433.091**	**34,904**
	Trong nước	16	7.505.669	12,223
	Nước ngoài	21	13.927.422	22,681
2	**Cổ đông là cá nhân**	**523**	**39.971.822**	**65,091**
	Trong nước	496	39.749.850	64,73
	Nước ngoài	27	221.972	0,361
	Tổng	**560**	**61.404.913**	**100,00**

(theo danh sách chốt ngày 14/06/2013)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Trụ sở chính

Quốc lộ 30, Phường 11, Tp Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (84.67) 3891166 - (84.67) 3891663 - (84.67) 3891664

Fax: (84.67) 3891062

Email: vh@vinhhoan.com.vn

Website: www.vinhhoan.com.vn

Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Lầu 8-9, số 569 -571-573 Trần Hưng Đạo,

Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38364849 - (84.8) 38365058

Fax: (84.8) 38365090

Email: vh@vinhhoan.com.vn

Website: www.vinhhoan.com.vn